



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh,

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

SĐT: 0296.3852969

Website: : www.cokhiangiang.com.vn - www.cokhiangiang.com

MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG	03
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	42
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	53
QUẢN TRỊ CÔNG TY	61
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	69



- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành & phát triển
- Sản phẩm tiêu biểu
- Ngành nghề kinh doanh
- Nhân sự và tổ chức
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG



01

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
- Tên viết tắt ANGIMECO (AMC)
- Tên tiếng Anh AN GIANG MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN Số 1600111049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 07/06/2017.
- Vốn điều lệ 32.864.040.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu 32.864.040.000 đồng
- Trụ sở chính Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại 0296.3852969
- Fax 0296.3853052
- Email cokhiangiang@agm.vn; trade@agm.vn.
- Website www.cokhiangiang.com.vn - www.cokhiangiang.com
- Mã cổ phiếu CKA



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1976

Ngày 04/09/1976, Xí Nghiệp Cơ Khí tỉnh được thành lập theo quyết định số 117/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với cơ sở vật chất và trang thiết bị ban đầu gồm toàn bộ tài sản của Trường Kỹ thuật tỉnh An Giang do chế độ Sài Gòn cũ xây dựng và trang bị từ năm 1966 để lại.

1992 - 1999

Ngày 21/11/1992, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được thành lập lại theo Nghị định số 388/HĐ.BT của Hội Đồng Bộ Trưởng trên cơ sở sáp nhập các Xí Nghiệp Cơ Khí Huyện và Thị xã vào để hình thành nên Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang.
Ngày 20/04/1999, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được đổi tên thành Công ty Cơ Khí An Giang theo quyết định số 764/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang và tiếp tục hoạt động cho đến ngày hôm nay.

2007

Ngày 29/05/2007, Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp có quyết định số 17/MĐL-NN/QĐ-HĐQT về việc tiếp nhận Công ty Cơ Khí An Giang về làm thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp.
Ngày 07/12/2007, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000080, hoàn toàn chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2009 - 2013

Ngày 24/03/2009, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 19.427.170.000 đồng lên 28.577.430.000 đồng.
Ngày 26/04/2013, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 28.577.430.000 đồng lên 32.864.040.000 đồng.

2016

Ngày 04/09/2016, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (04/09/1976 - 04/09/2016).

2018

12/6/2018, Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Mã chứng khoán của Công ty là CKA.
10/10/2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho CTCP Cơ khí An Giang được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội với mã chứng khoán là CKA, giá trị giao dịch là 32.864.040.000 đồng.
17/10/2018, ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu là 20.000 đồng/cổ phiếu.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

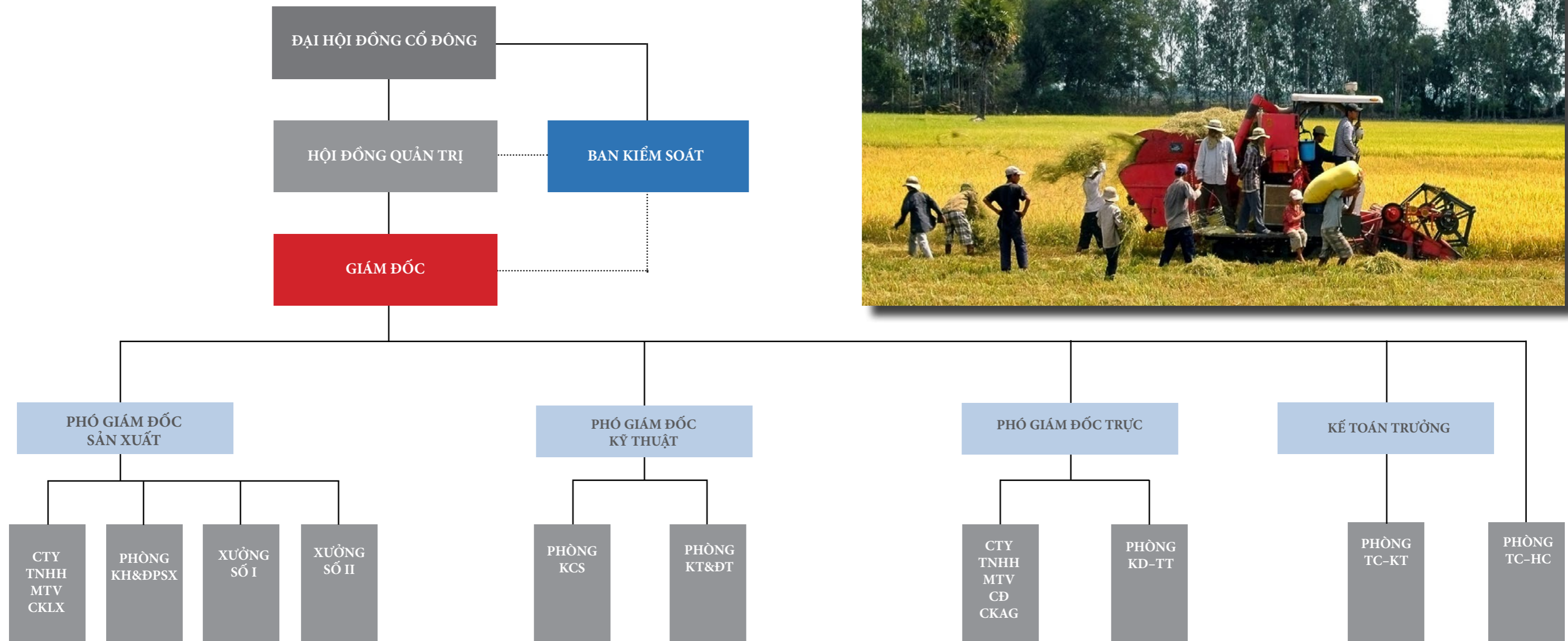
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu - Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm từ kim loại	2599 (Chính)
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - Chi tiết: Khai thác đá và khai thác mỏ đá	0810
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. - Chi tiết: Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép - Chi tiết: Dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép - Chi tiết: Sản xuất gạch không nung	2395
4	Đúc sắt, thép Chi tiết: Đúc kim loại, á kim	2431
5	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị	2829
6	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện	2710
7	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu - Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc - Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải khác - Chi tiết: Thay đổi kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ	3099
8	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại	3830
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật. Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình	4390
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329
11	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Chi tiết: Thiết kế công trình kết cấu thép - Chi tiết: Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình - Chi tiết: Các dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ - Chi tiết: Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải thủy	7410
12	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ	4520
13	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như: máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)	4651
14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)	4662
15	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại	4513
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại xe máy, mô tô và ô tô	4530
17	Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe mô tô điện, xe đạp điện các loại	3091
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán nhớt, mỡ bôi	4661
19	Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Khai thác nước khoáng	0899
20	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa sà lan	3011
21	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống	4210

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hiện đang hoạt động chủ yếu ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, với diện tích khoảng bốn triệu héc-ta, đồng bằng Sông Cửu Long sản xuất 50% sản lượng lương thực và đóng góp 20% GDP cả nước.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty con, Công ty liên kết:

STT	Thông tin	Tỷ lệ
Công ty con		
1	CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ LONG XUYÊN Địa chỉ: 1785 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3833792 – 2211314 – 834365 Fax: 0296.3835770 V Vốn điều lệ: 4.584.859.059 đồng	Công ty nắm giữ 100%
2	CÔNG TY TNHH MTV CẦU ĐƯỜNG CƠ KHÍ AN GIANG Địa chỉ: 839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3989753 Fax: 0296.3989755 Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng	Công ty nắm giữ 100%

STT	Thông tin	Tỷ lệ
Công ty liên doanh		
1	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO Địa chỉ: Ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3874616 Fax: 0296.3772249 Vốn đầu tư vào Công ty TNHH Liên Doanh Antraco là 7.956.213.357 đồng	Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên Doanh Antraco. Tỷ lệ quyền đồng kiểm soát 50%.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Nằm trong trung tâm nông nghiệp của Đồng Bằng Sông Cửu Long và cửa cả nước, Cơ Khí An Giang được trao sứ mệnh tiên phong trong công cuộc cơ giới hóa, tự động hóa, hiện đại hóa nông thôn và sản xuất nông nghiệp.

Công ty luôn cố gắng, nỗ lực để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, và để duy trì vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động. Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty không những thống lĩnh thị trường trong nước mà còn vươn ra thị trường quốc tế.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.
- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.
- Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất và bảo vệ môi trường.
- BGĐ điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

Mục tiêu đối với môi trường

Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện các vấn đề về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật và kiểm soát các mối nguy, rủi ro từ hoạt động sản xuất để ngăn ngừa sự ô nhiễm đối với môi trường, nâng cao mức độ an toàn lao động, sức khỏe cho nhân viên và cộng đồng.
- Huấn luyện định kỳ cho công nhân biết được và thấu hiểu các tác nhân gây ảnh hưởng tới môi trường cũng như an toàn sức khỏe nghề nghiệp của chính họ.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

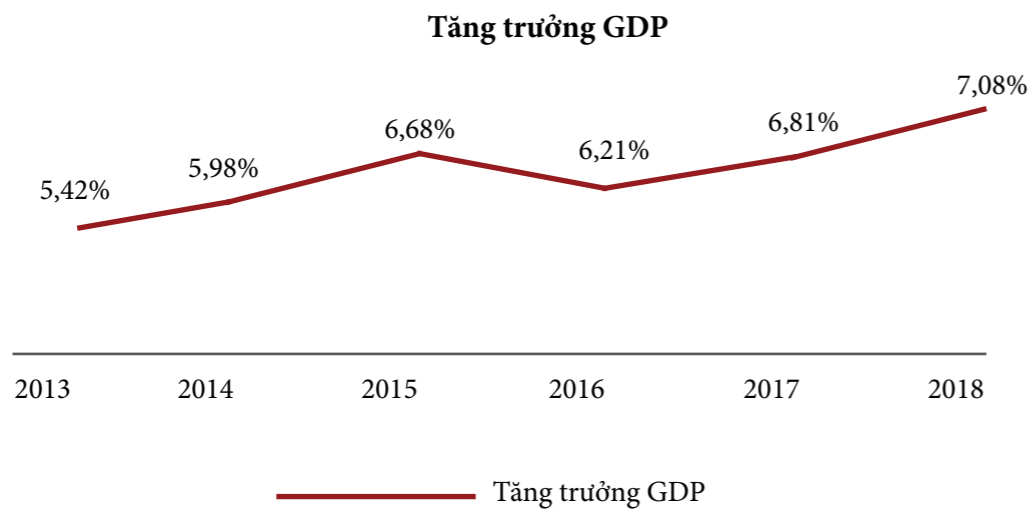
Công ty luôn thấu hiểu việc phát triển bền vững của Doanh nghiệp luôn đi cùng với việc phát triển cộng đồng và xã hội. Với một môi trường cộng đồng, xã hội vững mạnh, đoàn kết, phát triển thì sẽ tạo ra một môi trường kinh doanh tích cực đối với doanh nghiệp và ngược lại. Vì lý do đó, Công ty luôn đặt sự phát triển của mình đi cùng với sự phát triển của cộng đồng, luôn góp phần hỗ trợ giúp cộng đồng và địa phương ngày càng vững mạnh hơn.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Kinh tế năm 2018 kết thúc với nhiều điểm sáng khi hầu hết các chỉ tiêu kinh tế được công bố bởi Tổng cục thống kê đều ghi nhận mức tăng trưởng tốt.

- Tăng trưởng GDP: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2018 là 7,08% đạt mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2008. Mặc dù ghi nhận được mức tăng trưởng tốt nhưng vẫn tồn tại rủi ro vĩ mô 2019 khi chiến tranh thương mại giữa Trung – Mỹ vẫn đang diễn ra, Việt Nam là nước trung lập nhưng đều có quan hệ ngoại giao với cả 02 nước trên, nên không thể tránh khỏi những bất ổn có thể xảy ra trong tương lai.
- Lạm phát: CPI bình quân năm 2018 duy trì ổn định ở mức 3,54%, lạm phát cơ bản tăng 1,48% so với cùng kỳ năm 2017. Như vậy mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2018 dưới 4% đã đạt được.
- Lãi suất: Trong năm qua, lãi suất trung bình Việt Nam giảm còn từ 6% - 7,5%/năm. Sau khi, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Trong đó, Chính phủ chỉ đạo trong năm 2018, tiếp tục giảm lãi suất cho vay để phù hợp với điều kiện kinh tế, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản xuất kinh doanh.
- Vốn đầu tư: Năm 2018, Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 1.857 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2017. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn Ngân sách Nhà nước đạt gần 325 nghìn tỷ đồng, tương ứng tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 92,3% so với kế hoạch đề ra. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 19.100 triệu USD, trong đó Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore là những quốc gia có vốn đầu tư lớn nhất; và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn nhất đạt 46,6% vốn đăng ký.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 10,2% so với năm 2017; trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng tăng trưởng cao nhất đạt mức 12,3% so với cùng kỳ năm 2017. Cơ cấu ngành bao gồm: Sản xuất than cốc, sản xuất dầu mỏ tinh chế chiếm 65,5%; sản xuất kim loại chiếm 25,1%; sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu chiếm 20,0%. Nhờ đó, chỉ số tiêu thụ của ngành này năm 2018 cũng tăng trưởng 12,4% và chỉ số tồn kho tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2017.



Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ CKA. Năm qua, hầu hết các chỉ số chung và chỉ số ngành đều tăng trưởng cho thấy dấu hiệu tốt cho tình hình chung của nền kinh tế, đặc biệt là ngành sản xuất công nghiệp. Đó là những tín hiệu thuận lợi cho sự phát triển và mở rộng của Công ty trong tương lai. Nhưng cũng đặt ra cho CKA thách thức khi cơ hội tăng thì sự cạnh tranh thị trường cũng tăng, sản phẩm cũng đòi hỏi phải đạt chất lượng hơn. Do đó, ban lãnh đạo của Công ty đang trong quá trình hoàn thiện bộ máy quản lý Công ty và đề ra các chiến lược hoạt động, phương hướng cụ thể để theo kịp tiến độ, nâng cao giá trị của Công ty.



Rủi ro pháp luật

CKA là một chủ thể hoạt động kinh doanh trong thị trường hiện nay nên hoạt động của Công ty chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,....

Một số chính sách được ban hành trong năm tác động đến doanh nghiệp:

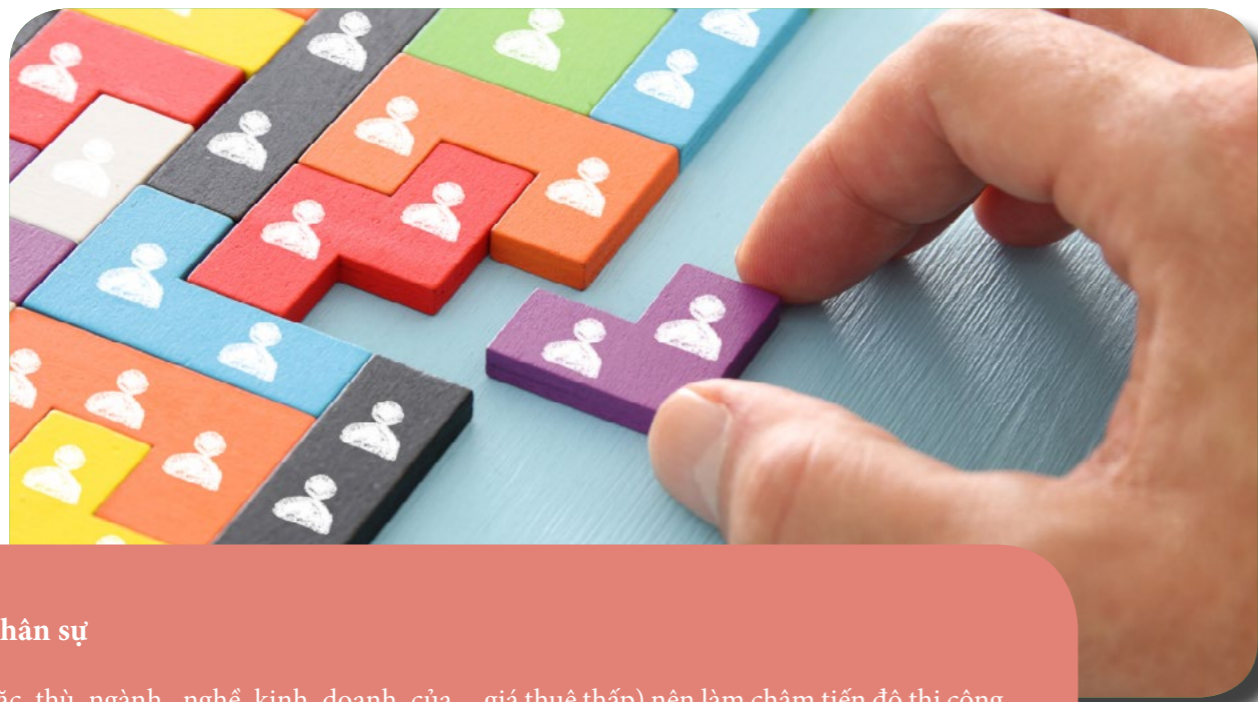
- Thủ tướng đã ký ban hành Nghị định 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Theo đó, nghị định này yêu cầu cắt giảm 675 điều kiện đầu tư kinh doanh trong tổng số hơn 1.200 điều kiện kinh doanh của Bộ Công Thương;
- Ngày 10/10/2018 là thời điểm Nghị định 108/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp sẽ chính thức có hiệu lực.
- Từ ngày 01/01/2018, các quy định đóng bảo hiểm theo mức lương và phụ cấp lương tăng lên, cụ thể là năm 2017 lương cơ bản vùng 3.320.000 đồng, năm 2018 lương cơ bản vùng là 3.530.000 đồng, làm cho chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN ngày càng tăng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



Với việc hệ thống pháp luật liên quan đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, các chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp thay đổi cũng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Luôn nhận thức rõ ràng những rủi ro từ sự thay đổi của pháp luật đến hoạt động của Công ty, chính vì vậy Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực sản xuất và các lĩnh vực liên quan khác.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh. Trong đó, thuế VAT của vật tư nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất máy nông nghiệp không được khấu trừ, dẫn đến việc chi phí sản xuất của ngành nói chung và Công ty nói riêng tương đối cao. Hơn thế nữa, giá cả ký hợp đồng với các khách hàng ngày càng cạnh tranh, vừa phải làm hài lòng khách hàng về dịch vụ mà còn phải làm hài lòng về giá cả. Do đó, việc quản lý nguyên vật liệu đầu vào và tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp luôn là vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng.



Rủi ro nhân sự

Với đặc thù ngành, nghề kinh doanh của Công ty cần một lượng lớn đội ngũ công nhân thi công lắp đặt và chế tạo các máy móc kỹ thuật. Công việc này đòi hỏi sức người lớn đặc biệt là trong năm 2018, việc thi công lắp đặt cầu thép gặp khó khăn như: công trình thi công thường ở xa, điều kiện đi lại khó khăn, chi phí nhân công địa phương tăng cao; nhân công không đủ để phục vụ việc thi công (do

giá thuê thấp) nên làm chậm tiến độ thi công. Ngoài ra, chính sách lương, bảo hiểm đều có xu hướng tăng lên tạo ra áp lực về chi phí đối với Công ty. Ban lãnh đạo luôn cân nhắc các biện pháp nhằm bảo đảm quyền lợi cho công nhân đồng thời với hiệu quả kinh doanh của Công ty trong điều kiện khó khăn về nhân sự lãnh nghề như hiện nay.

Rủi ro cạnh tranh

Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh về giá. Thị trường máy gặt xếp dây ngày càng gặp khó khăn, do phụ thuộc vào vụ mùa và bị thu hẹp do máy gặt đập liên hợp thay thế. Công nghệ phát triển nhanh chóng, các đối thủ gia nhập ngành với lợi thế về công nghệ tiên tiến, đầu tư mới các thiết bị hiện đại với năng suất cao, quy mô lớn. Công ty luôn tìm kiếm giải pháp đẩy mạnh năng suất sản xuất, đầu tư mới các thiết bị, ứng dụng công nghệ nhằm làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản mang về hiệu quả kinh doanh cho Công ty tốt nhất.



Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.





- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM



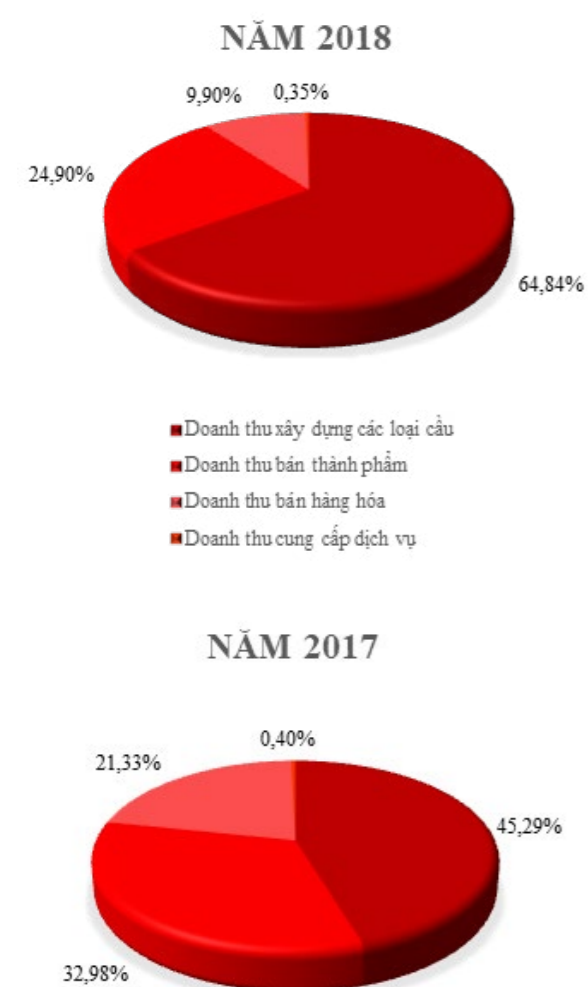
02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Nền kinh tế trong nước của năm 2018 được các chuyên gia đánh giá là duy trì tính ổn định, GDP tăng trưởng cao hơn so với mục tiêu Quốc hội đề ra mà trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 12,3%. Tuy tăng trưởng cao nhưng nhìn chung nền kinh tế còn tồn tại nhiều rủi ro, các doanh nghiệp phải xác định và đối mặt những khó khăn phát sinh.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	130.077	192.552	48,03%
1.1	Doanh thu xây dựng các loại cầu	58.918	124.853	111,91%
1.2	Doanh thu bán thành phẩm	42.897	47.954	11,79%
1.3	Doanh thu bán hàng hóa	27.741	19.064	-31,28%
1.4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	521	681	30,71%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	21.232	19.681	-7,31%
3	Thu nhập khác	2.916	305	-89,54%
Tổng doanh thu		154.693	212.538	37,39%



Tổng kết năm 2018, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty tăng trưởng vượt bậc 48,03% so với năm 2017. Theo đó, doanh thu xây dựng các loại cầu đóng vai trò chủ chốt tạo động lực khi tăng trưởng 111,91% tương ứng với giá trị đóng góp hơn 124 tỷ đồng vào doanh thu, chiếm 64,48% trong cơ cấu doanh thu góp phần lớn trong việc giúp doanh thu CKA tăng trưởng mạnh. Doanh thu bán các loại máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng tăng 11,79%, đóng góp 48 tỷ đồng. Doanh thu đối với các thành phẩm như máy móc ứng dụng và các loại cầu thép được duy trì và tăng trưởng nhờ việc đưa vào sản xuất kinh doanh 09 sản phẩm mới như: Máy gặt lúa xếp dây GX120YB; Máy phân loại lúa giống năng suất 1,5 tấn/giờ; cầu thép NT5.2CV-1/1 nhịp 24m, tải 0,65HL93; NT5.2CV-2/1 nhịp 30m, tải 0,65HL93; NT6.2SC nhịp 21m, tải 0,65HL93; NT6.2LK-2/1 nhịp 30m, tải 0,65HL93; NT5.2CM-1/1, nhịp 21m, tải 0,5HL93; NT3.6MV nhịp 36m, tải 5 tấn; NT4.2MK nhịp 21m, tải 13 tấn. Doanh thu bán hàng hóa đến từ việc mua bán máy gặt xếp dây ngày càng gặp khó khăn, do phụ thuộc vào vụ mùa và bị thu hẹp do máy gặt đập liên hợp thay thế, doanh thu từ mặt hàng này giảm 31,71% so với cùng kỳ năm 2017, giảm từ 27 tỷ đồng còn 19 tỷ đồng. Doanh thu cung cấp dịch cũng tăng trưởng nhưng không đáng kể.

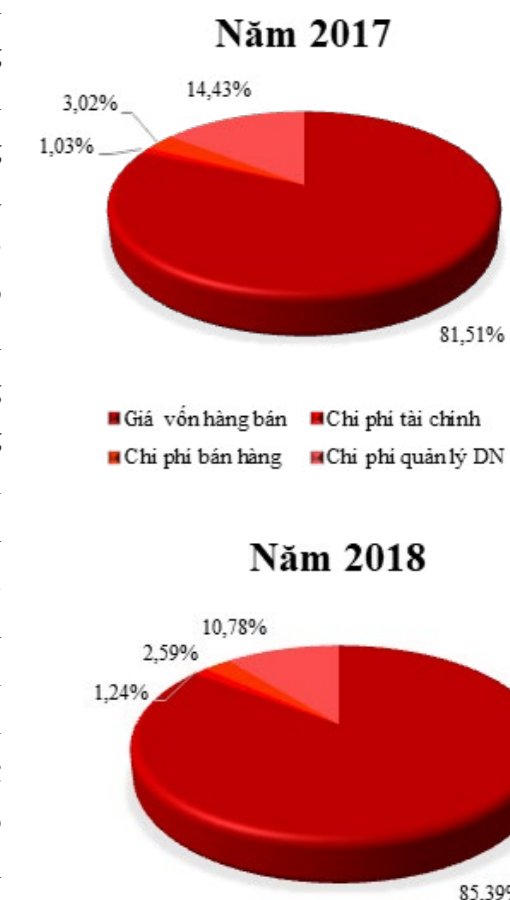
Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty phần lớn đóng góp từ Lợi nhuận từ Công ty liên doanh (Antraco), Lợi nhuận được chia từ Antraco trong năm gồm: Lợi nhuận bổ sung năm 2017 là 4,8 tỷ đồng và lợi nhuận tạm ước tính của năm 2018 hơn 14,4 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 7,31% chủ yếu là do khoản từ lợi nhuận liên doanh này giảm do lợi nhuận được chia ước tính từ công ty ANTRACO của năm 2018 giảm. Thu nhập khác giảm 89,54% là do trong năm 2018 Công ty không có khoản thu từ bồi thường đất hơn 1,8 tỷ đồng so với năm 2017.

Cơ cấu chi phí trong kỳ:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	So với DTT	Giá trị	So với DTT
Giá vốn hàng bán	107.478	82,64%	169.170	87,86%
Chi phí tài chính	1.364	1,05%	2.459	1,28%
Chi phí bán hàng	3.985	3,06%	5.135	2,67%
Chi phí quản lý DN	19.024	14,63%	21.350	11,09%
Tổng chi phí	131.850	101,38%	198.115	102,90%

Tổng chi phí năm 2018 hơn 198 tỷ đồng tăng hơn 50% so với cùng kỳ năm 2017 với các khoản mục chi phí đều tăng trong năm mà chủ yếu là từ khoản tăng hơn 57% của giá vốn hàng bán cũng là chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Khoản giá vốn này tăng mạnh là do khoản mục giá vốn của hoạt động xây dựng cầu tăng mạnh trong năm với giá trị hơn 113 tỷ đồng do trong năm Công ty hoàn thành nhiều hợp đồng xây lắp cầu sắt tương ứng với doanh thu nêu trên. Ngoài ra, chi phí nguyên vật liệu đầu vào, vật tư thiết bị cung cấp cho hoạt động này trong năm cũng tăng nên biên lợi nhuận gộp của hoạt động xây dựng cầu sắt chỉ đạt khoảng 9,08%. Bên cạnh đó, hoạt động từ bán thành phẩm các loại máy do Công ty nghiên cứu chế tạo đạt được biên lợi nhuận xấp xỉ 21% đóng góp chính vào lợi nhuận của Công ty. Chi phí tài chính tăng cao hơn 80% so với cùng kỳ chủ yếu do chi phí lãi vay năm 2018 tăng tương ứng với khoản vay ngắn hạn ngân hàng tăng. Trong năm, Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng thời cơ tăng nguồn cầu về xây lắp cầu sắt và sử dụng máy nông nghiệp, mua sắm máy móc, vật tư để phục vụ cho sản xuất nên chi phí khấu hao tăng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng tương ứng với doanh thu.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Chí Thành	Giám đốc	120.108	3,65
2	Trần Văn Thái	Phó Giám đốc	58.275	1,77
3	Lê Thanh Vân	Phó Giám đốc	92.615	2,82
4	Phan Thị Tuyết Vân	Quyển trưởng phòng Tài chính – Kế toán	37.123	1,13

(*) Tính tại thời điểm 05/4/2019



ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH

Ngày sinh	12/8/1961
Nơi sinh	Xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên (TV) HĐQT – Giám đốc Công ty.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD Antraco.
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ
18/2/1985 – 14/7/1986	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
15/7/1986 – 31/01/1989	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử mới, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
01/01/1990 – 14/11/1990	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Gò hàn- Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
15/11/1990 – 31/7/1991	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
01/8/1991 – 18/2/1992	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
19/2/1992 – 21/5/1993	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
22/5/1993 – 19/03/1995	Phó phòng Kỹ thuật KCS, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
20/3/1995 – 31/7/1995	Quyển Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
01/8/1995 – 23/10/1996	Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
24/10/1996 – 05/5/1999	Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
06/5/1999 – 09/11/2007	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang.
10/11/2007 – 31/12/2007	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.
01/01/2008 – 08/9/2011	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên.
09/9/2011 – 31/5/2015	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.
01/6/2015 – nay	TV HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	120.108 cổ phần, chiếm 3,65% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có.

Ông TRẦN VĂN THÁI

Ngày sinh	03/01/1963
Nơi sinh	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	TV HĐQT – Phó Giám đốc.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch công ty, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang, TV HDTV Công ty Antraco.

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
18/2/1985 – 31/7/1985	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
01/8/1985 – 14/7/1986	Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
15/7/1986 – 05/5/1993	Cán bộ kỹ thuật Ban nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
06/5/1993 – 23/2/1994	Phó Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
24/2/1994 – 14/3/1995	Phó trưởng xưởng Phân xưởng sản xuất thuộc Ban Quản trị sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
15/3/1995 – 31/7/1995	Phó Quản đốc Xưởng Sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
01/8/1995 – 09/3/1996	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
10/3/1996 – 18/6/1997	Trưởng phòng Tiếp thị, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
19/6/1997 – 23/11/1998	Trưởng ban Ban Tiếp thị & Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2.
24/11/1998 – 05/05/1999	Trợ lý Giám đốc – Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2.
06/05/1999 – 11/5/1999	Trợ lý Giám đốc kiêm Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên – Công ty Cơ khí An Giang.
12/5/1999 – 27/4/2000	Trợ lý Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên – Công ty Cơ khí An Giang.
28/4/2000 – 18/11/2007	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang.
19/11/2007 – nay	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	58.275 cổ phiếu, chiếm 1,77% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có.

Ông LÊ THANH VÂN

Ngày sinh	16/12/1964
Nơi sinh	Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí, ngành Đúc nhiệt luyện.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	TV HĐQT – Phó Giám đốc.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên; Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH LD ANTRACO.

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
15/01/1990 – 31/3/1990	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Đúc, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
01/4/1990 – 20/11/1992	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
21/11/1992 – 18/06/1997	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
19/06/1997 – 06/10/1998	Phó phòng Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
07/10/1998 – 01/11/1998	Phó Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn.
02/11/1998 – 08/9/2011	Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn.
09/9/2011 – 08/6/2014	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.
09/6/2014 – nay	TV HĐQT, kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	92.615 cổ phần, chiếm 2,82% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có.

Bà PHAN THỊ TUYẾT VÂN

Ngày sinh	07/08/1965
Nơi sinh	Tân Lộc Tây, Thốt Nốt, Cần Thơ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Quyên Trưởng phòng Tài chính kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	TV BKS Công ty TNHH LD ANTRACO.
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ
1995 – 03/1999	Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
4/1999 – 2007	Kế toán tổng hợp Công ty Cơ khí An Giang.
2008 – 10/2014	Kế toán tổng hợp CTCP Cơ khí An Giang.
01/12/2014 – 28/02/2017	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán CTCP Cơ khí An Giang.
01/03/2017 – nay	Quyên Trưởng phòng Tài chính kế toán CTCP Cơ khí An Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	37.123 cổ phần, chiếm 1,13% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Chồng Nguyễn Ngọc Minh (Số CMND: 350059603 ngày cấp 05/12/2005, nơi cấp: An Giang): 19.107 cổ phần. Em ruột Phan Thị Tuyết Nhung: 13.219 cổ phần. Em ruột Phan Thị Anh Thư: 30.500 cổ phần.

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2018:

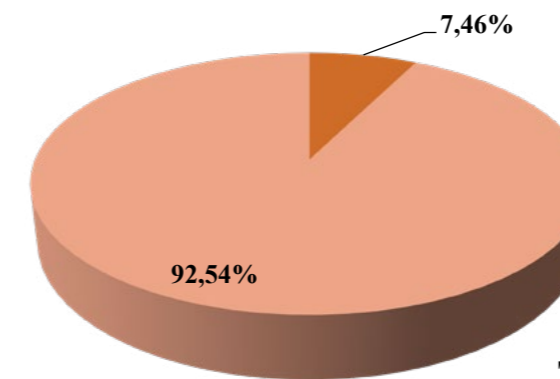
Không có.

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	228	100,00%
1	Trên đại học	3	1,32%
2	Đại học	55	24,12%
3	Cao đẳng	7	3,07%
4	Trung cấp	20	8,77%
5	Công nhân kỹ thuật (CNKT)	64	28,07%
6	Khác	79	34,65%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	228	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	17	7,46%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	211	92,54%
C	Theo giới tính	228	100,00%
1	Nam	213	93,42%
2	Nữ	15	6,58%

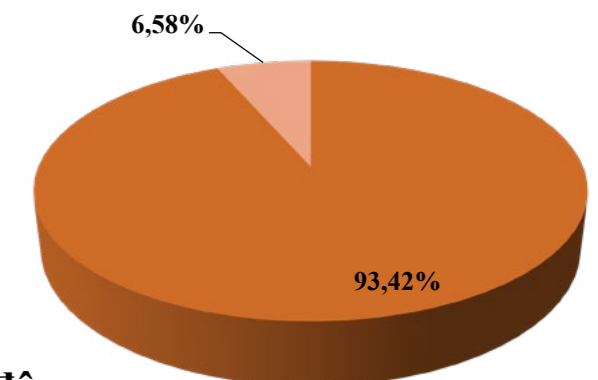
Theo tính chất hợp đồng lao động

■ Hợp đồng có xác định thời hạn ■ Hợp đồng không xác định thời hạn



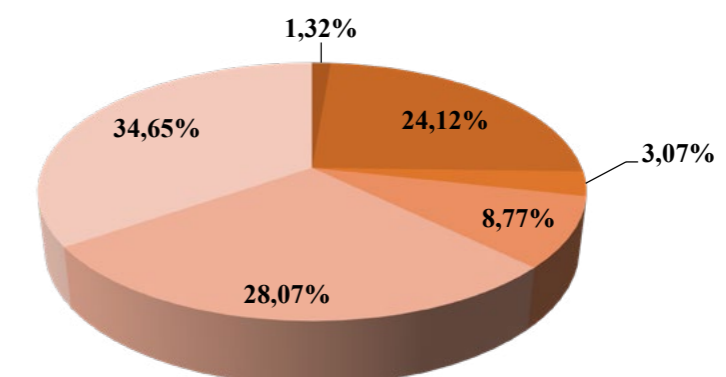
Giới tính

■ Nam ■ Nữ



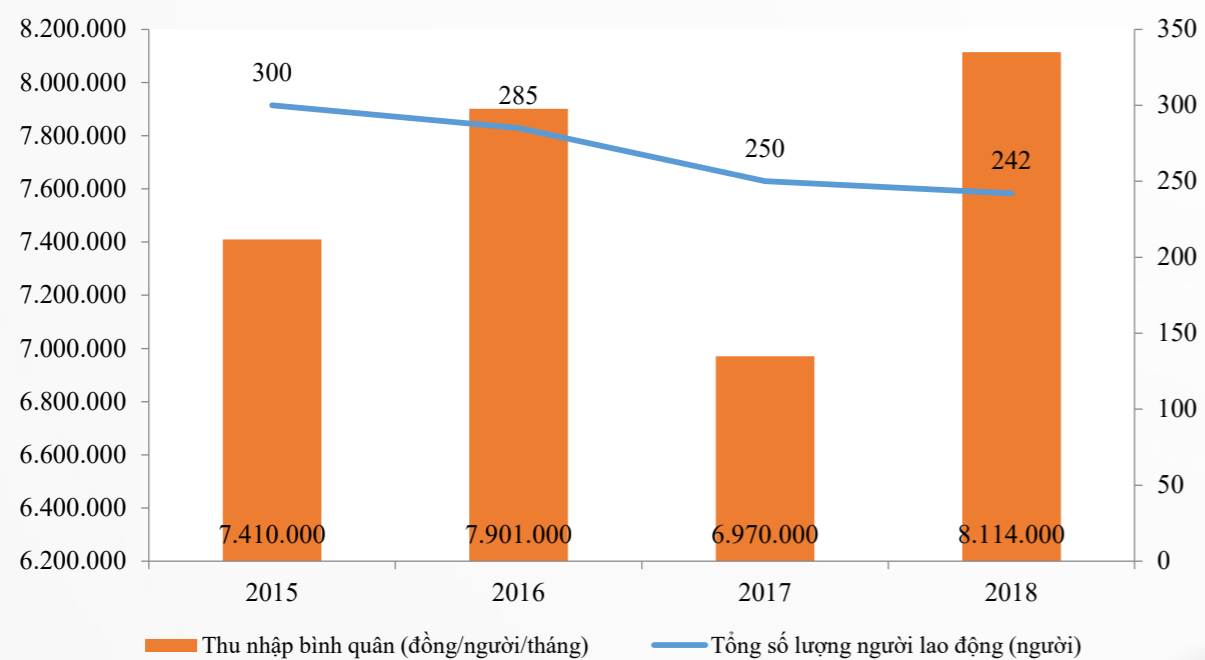
Theo trình độ

■ Trên đại học ■ Đại học ■ Cao đẳng ■ Trung cấp ■ CNKT ■ Khác



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	300	285	250	242
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.410.000	7.901.000	6.970.000	8.114.000



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bổ túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu công việc thực tế nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Cơ khí An Giang áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên; thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm; nộp đầy đủ và đúng hạn về BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ cho người lao động; tổ chức tham quan du lịch cho người lao động định kỳ 2 năm 1 lần.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị để thay đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tự động, nhằm tăng chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh các sản phẩm của Công ty, cụ thể như:

- Tại Văn phòng Công ty (VPCT): tổng giá trị đầu tư là 4.790.841.300 đồng bao gồm:

- 3 máy khoan từ POWERBOR và RAPTOR: 103.930.000 đồng
- 3 Bộ máy hàn DIGITAL và HQC KRII 650: 97.272.728 đồng
- Máy nén khí 75HP: 200.000.000 đồng
- Bộ dao cắt tole: 71.000.000 đồng
- 4 Robot hàn EA 1400: 1.140.000.000 đồng
- Máy cắt Plasma LGK 200: 93.472.727 đồng
- Máy phay CNC VF-2-SE: 2.830.440.000 đồng
- Xe tải cầu 2,5 tấn: 254.725.845 đồng

- Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Long xuyên: tổng giá trị đầu tư là 654.739.054 đồng bao gồm:

- Máy khoan: 39.800.000 đồng
- Xây dựng nhà xưởng: 614.939.054 đồng

- Tại Cty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang đầu tư 1 xe cẩu giá trị 400.000.000 đồng.

Nhìn chung các thiết bị đầu tư tại VPCT và Công ty TNHH MTV Cơ khí Long xuyên và Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang phát huy hiệu quả tốt, đáp ứng được mục tiêu đề ra là tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, chất lượng sản phẩm được nâng cao.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Khoản phải thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm 2018/2017
I	Phải thu ngắn hạn	61.240	95.650	56,19%
1	Phải thu khách hàng	35.471	67.724	90,92%
2	Trả trước cho người bán	2.273	1.359	-40,19%
3	Các khoản phải thu khác	24.663	28.563	15,81%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.167)	(1.996)	71,04%
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	61.240	95.650	56,19%

Khoản phải thu của Công ty tăng 56,19% so với năm 2017, tăng từ 61 tỷ đồng lên 95 tỷ đồng chủ yếu đến từ khoản phải thu khách hàng chiếm hơn 70% trong cơ cấu phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu phát sinh chủ yếu từ các khách hàng mới trong năm 2018 như Công ty CP Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Thủy lợi, Công ty CP Xây dựng Đê kè và Phát triển nông thôn Hải Dương với khoản thu hơn 35 tỷ đồng. Tuy tốc độ tăng khoản phải thu khách hàng hơn 90% tăng nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu nhưng các khách hàng của Công ty đều là các tổ chức có uy tín với tài chính lành mạnh. Đặc biệt như hai khách hàng lớn nêu trên là các công ty xây dựng các công trình thủy lợi vừa trúng thầu xây lắp các cầu sắt trên địa bàn tỉnh An Giang trong quý IV nên việc thanh toán chưa xử lý kịp trong năm 2018, khả năng thu hồi và dòng tiền về của Công ty được đảm bảo trong năm 2019. Vòng quay khoản phải thu năm 2018 của Công ty đạt 2,45 vòng với số ngày thu tiền khoảng 148 ngày. Công ty không phát sinh các khoản phải thu dài hạn nào.

Khoản phải trả

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm 2018/2017
I	Phải trả ngắn hạn	39.554	89.778	126,98%
1	Vay ngắn hạn	9.199	41.442	350,51%
2	Phải trả người bán	7.173	9.659	34,66%
3	Người mua trả tiền trước	1.381	10.967	693,85%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.908	2.017	5,71%
5	Phải trả người lao động	807	646	-19,94%
6	Chi phí phải trả	7.063	12.888	82,48%
7	Phải trả nội bộ ngắn hạn	211	-	-
8	Phải trả ngắn hạn khác	8.197	8.359	1,98%
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	214	-	-
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.401	3.800	11,70%
II	Phải trả dài hạn	15.000	14.514	-3,24%
1	Phải trả dài hạn khác	-	2.514	-
2	Vay và nợ dài hạn	15.000	12.000	-20,00%
	Tổng cộng	54.554	104.292	91,17%

Khoản phải trả của Công ty chủ yếu là phải trả ngắn hạn chiếm 86,08%, phải trả dài hạn chiếm 13,92%. Khoản phải trả ngắn hạn tăng chủ yếu từ các khoản vay nợ ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Công ty đã vay 110 tỷ đồng và đã hoàn trả 75 tỷ đồng, số dư hiện tại còn lại là hơn 38,6 tỷ đồng; ngoài ra Công ty còn vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long Xuyên thêm 8 tỷ đồng và đã trả cho Ngân hàng gần 11 tỷ đồng nên khoản nợ chỉ còn 2,7 tỷ đồng. Công ty chủ yếu tài trợ bằng nợ vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ, Công ty nỗ lực chi trả nợ gốc vay trong kỳ, đảm bảo khả năng thanh toán. Ngoài ra, khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn cũng tăng từ 1 tỷ đồng lên 9,6 tỷ đồng do ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn trả trước 7,4 tỷ đồng và phòng Kinh tế Hạ tầng – huyện Thoại Sơn trả trước 2,4 tỷ đồng. Khoản phải trả dài hạn giảm do Công ty đã thanh toán một phần nợ vay cho Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

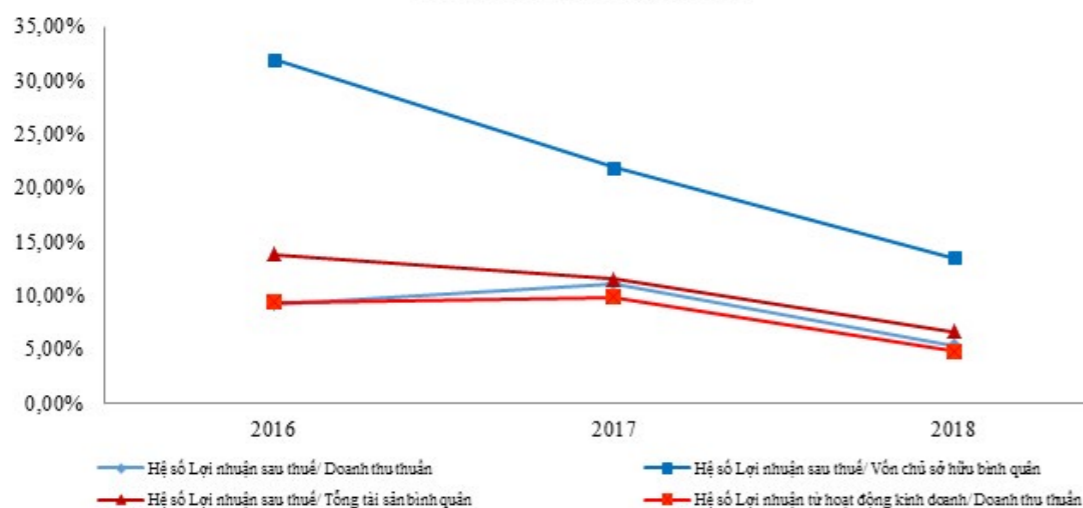
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,26	1,33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,66	1,02
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41,62%	57,96%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	71,30%	137,84%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,34	6,22
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,04	1,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,07%	5,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,86%	13,48
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,49%	6,59
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,80%	4,79

Về khả năng sinh lời

Trong năm qua mặc dù Công ty hoạt động kinh doanh hiệu quả, các tỷ số vòng quay tổng tài sản, hệ số đòn bẩy đều tăng. Tuy nhiên, việc sụt giảm trong lợi nhuận sau thuế bởi các chi phí đều tăng cao làm cho tỷ suất lợi nhuận ròng của Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất lợi nhuận ròng giảm 5,74% nên ROA giảm, dẫn đến ROE giảm về mức 13,48%.

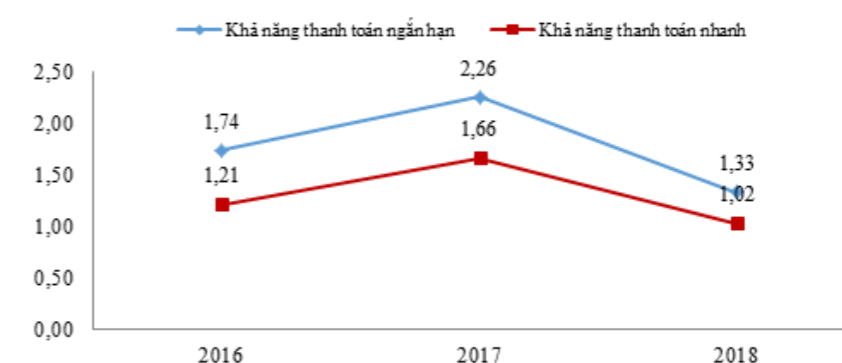
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty có xu hướng giảm tương đối so với năm 2017. Cụ thể, chỉ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,26 lần xuống còn 1,33 lần. Chỉ số thanh toán nhanh giảm từ 1,66 lần còn 1,02 lần. Trong năm, tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều có xu hướng tăng, nhưng tốc độ tăng của nợ ngắn hạn 157,31% cao hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn 51,12%. Nguyên nhân nợ ngắn hạn tăng cao là do trong năm Công ty vay nợ ngắn hạn nhiều từ 9 tỷ đồng lên đến 53 tỷ đồng, tăng gần 5 lần so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, khoản người mua trả tiền trước cũng tăng hơn 9 tỷ đồng so với năm 2017. Năm 2018, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh hơn nên cần nhiều vốn lưu động tài trợ cho sản xuất kinh doanh, mặc dù các khoản nợ vay ngắn hạn tăng nhưng các hợp đồng mới được ký kết, mở rộng doanh thu đảm bảo khả năng chi trả của CKA. Vốn luân chuyển ròng năm 2018 của Công ty vẫn đạt con số hơn 33,2 tỷ đồng, các chỉ số thanh toán mặc dù giảm nhưng đều lớn 01 cho thấy khả năng thanh toán đảm bảo của Công ty.

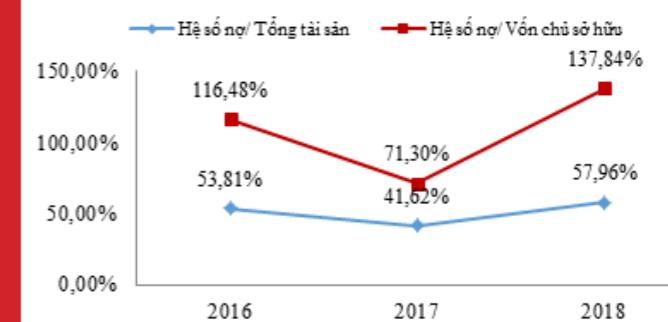
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Về cơ cấu vốn

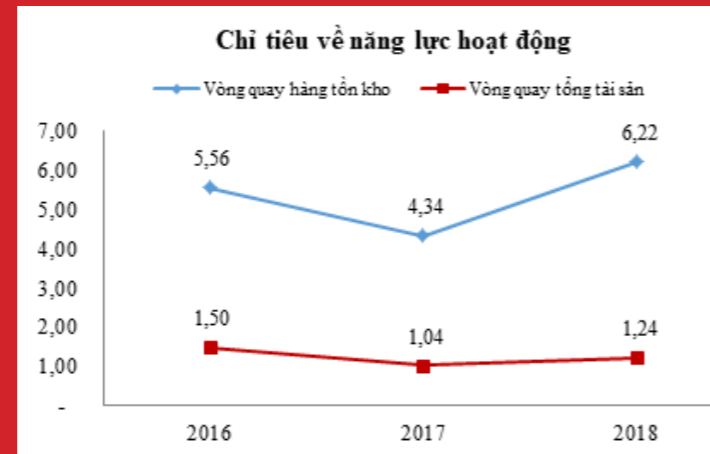
Với việc tổng nợ trong năm tăng cao do nợ ngắn hạn tăng đột biến như đã đề cập ở trên, dẫn đến việc các hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 41,62% lên 57,96% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu từ 71,3% lên 137,84%. Các hệ số đòn bẩy của Công ty đều tăng cao nhưng có thể thấy nợ vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản ngắn hạn của Công ty, khoản mục tài sản ngắn hạn tăng tương ứng trong khi vốn chủ sở hữu không thay đổi nhiều so với năm 2017.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Về năng lực hoạt động

Trong năm, lượng hàng tồn kho tăng 31,32% so với năm 2017 đạt giá trị hơn 31 tỷ đồng trong năm 2018, chủ yếu từ nguồn tăng của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang từ 8,5 tỷ đồng lên hơn 18 tỷ đồng. Điều này cho thấy việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty, giảm giá trị của nguyên vật liệu đầu vào và giảm nhẹ ở cả thành phẩm đầu ra cho thấy khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty ở mức tốt. Sự tích cực trong lượng hàng tồn kho trong năm của Công ty đã làm cho chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng 1,88 vòng so với cùng kỳ năm trước, giữ cho mức ngày lưu kho chỉ còn khoảng 58 ngày, giảm hơn 30 ngày so với cùng kỳ năm trước.



Cơ cấu hàng tồn kho

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm
1	Hàng mua đang đi đường	89.654.533	-	-100,00%
2	Nguyên liệu, vật liệu	9.393.870.564	7.367.672.098	-21,57%
3	Công cụ, dụng cụ	189.413.062	180.494.789	-4,71%
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.523.496.002	18.448.372.864	116,44%
5	Thành phẩm	2.874.511.842	2.817.726.532	-1,98%
6	Hàng hóa	3.054.027.705	2.867.104.185	-6,12%
Tổng cộng		24.124.973.708	31.681.370.468	31,32%

Chỉ số vòng quay tổng tài sản cũng được điều chỉnh tăng tương đối 0,2 vòng so với năm 2017, vì tổng doanh thu trong năm 2018 tăng vượt trội 48,04%, đồng thời, tổng tài sản bình quân trong năm tăng 37,3%. Có thể thấy hiệu quả của việc nghiên cứu áp dụng công nghệ mới vào sản xuất bước đầu cho thấy hiệu quả của việc sử dụng tài sản theo đúng nhu cầu thị trường.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

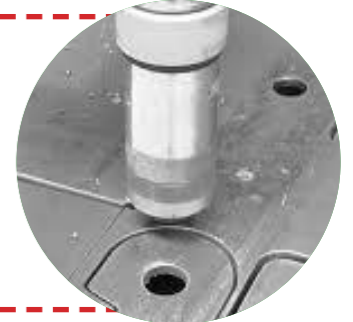
Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.286.404 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.286.404 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần



Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 05/4/2019)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1.558.072	15.580.720.000	47,41
II	Cổ đông nội bộ	335.509	3.335.090.000	10,21
III	Cổ đông trong nước	1.390.323	13.903.230.000	40,69
1	Cá nhân	1.263.449	12.634.490.000	38,45
2	Tổ chức	126.874	1.268.740.000	3,86
IV	Cổ đông nước ngoài	2.500	25.000.000	0,07
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	2.500	25.000.000	0,07
Tổng cộng		3.286.404	32.864.040.000	100,00

Danh sách cổ đông lớn: Không có.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



Tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường:

Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện các vấn đề về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật và kiểm soát các mối nguy, rủi ro từ hoạt động sản xuất để ngăn ngừa sự ô nhiễm đối với môi trường, nâng cao mức độ an toàn lao động, sức khỏe cho nhân viên và cộng đồng.
- Huấn luyện định kỳ cho công nhân biết được và thấu hiểu các tác nhân gây ảnh hưởng tới môi trường cũng như an toàn sức khỏe nghề nghiệp của chính họ.
- Ngoài ra, Công ty có xây dựng đề án bảo vệ môi trường, đồng thời đã thực hiện đầy đủ các nội dung giải pháp trong đề án đưa ra, nhằm đảm bảo tốt môi trường làm việc cho người lao động và bảo vệ môi trường chung, các công trình cụ thể như: các bể xử lý nước thải sinh hoạt của người lao động, thiết bị xử lý bụi, nhà để rác thải nguy hại, trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt, nhà chứa phế liệu,...

Chính sách liên quan đến người lao động:

- Công ty thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, nhân viên, người lao động và trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân; Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ-PCCN; Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn ở các bộ phận sản xuất, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định; Thực hiện việc tăng cường công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trước và trong dịp Tết nguyên đán; Triển khai thực hiện tháng hành động ATVSLĐ.
- Về công tác phòng chống cháy nổ Công ty có xây dựng phương án PCCC, trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định cơ quan chức năng. Ngoài ra, hằng năm Công ty đều có tổ chức cho cán bộ, nhân viên và người lao động tham dự các lớp tập huấn về PCCC và an toàn lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty, Công đoàn cơ sở luôn luôn quan tâm và chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; hỗ trợ, giúp đỡ gia đình khi gặp khó khăn; phát quà cho con em cán bộ, nhân viên của Công ty nhân ngày Lễ Quốc tế Thiếu nhi.
- Hỗ trợ cho Trường học vùng sâu vùng xa, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện như thăm hỏi, tặng quà cho gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà ở cho công nhân khó khăn,...
- Tại Công ty Liên doanh Antraco hỗ trợ đất đá cho công trình nông thôn mới ở các xã, trường học, đường nông thôn, nhà đồng đội, nhà cựu chiến binh.





- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

**BÁO CÁO
CỦA BAN GIÁM ĐỐC**



03

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2018:



Thuận lợi:

- Nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng vẫn rất cao để đồng bộ với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam.
- Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh cơ khí tại thị trường Việt Nam, đặc biệt là khu vực phía Nam.
- Công ty có mối quan hệ thân thiết tốt với các nhà cung cấp trong nước, nước ngoài, khách hàng tiêu thụ...
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Công ty có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm, nhiệt huyết.

Khó khăn:

- Các đối thủ cạnh tranh trong cùng lĩnh vực kinh doanh xuất hiện ngày càng nhiều, đòi hỏi Công ty phải có đối sách, chiến lược phù hợp cho từng thời điểm, cũng như từng đối tượng khách hàng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỉ lệ % so với Kế hoạch	Cùng kỳ
I Cty cổ phần Cơ Khí An Giang						
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	172.976	192.538	111,31	148,04
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.464	9.519	83,03	44,65
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.071	10.256	92,64	48,64
4	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	%	20,98	22,43	10691	68,17
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	5.509	5.179	94,00	72,41
6	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	26.560	23.661	89,09	113,62
7	Lao động bình quân	Người	265	243	91,70	97,60
8	Tiền lương bình quân người lao động	Triệu đồng	8,350	8,114	97,17	116,41
II CTY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO						
1	Doanh thu	Triệu đồng	295.000	397.468	134,73	111,94
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	42.000	48.915	116,46	102,24
3	Tỉ suất LNTT/DT	%	14,24	12,31	86,45	91,39
4	Lợi nhuận phân phối	Triệu đồng		29.393		
	- Công ty CP Cơ khí An Giang 49%	Triệu đồng		14.403		
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	62.000	77.155	124,44	125,18
6	Tiền lương bình quân người lao động	Nghìn đồng/ người/tháng	10,877	12,920	118,78	118,78

Về Công ty cổ phần Cơ khí An Giang:

- Tổng doanh thu đạt 111,31% kế hoạch và bằng 148,04% so cùng kỳ.
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 92,64% kế hoạch và bằng 48,64% so cùng kỳ.
- Năm 2018, Công ty đã trở thành Công ty Đại chúng nên đơn vị kiểm toán độc lập phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận (năm 2018 Công ty đã thay đổi Công ty kiểm toán). Việc ghi nhận số liệu kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán chặt chẽ hơn, tuy nhiên việc ghi nhận này đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty cụ thể như sau:
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 1.793 triệu đồng, đây là khoản nợ chủ yếu từ ngân sách nhà nước chậm thu hồi, nhưng kiểm toán tính theo tuổi nợ để trích dự phòng.
- Loại trừ lợi nhuận chưa thực hiện của các công ty con khi hợp nhất báo cáo: 2.601 triệu đồng.
- Loại trừ lợi nhuận liên doanh năm 2017: 4.879 triệu đồng, Công ty ghi nhận lợi nhuận liên doanh theo sổ kế hoạch khi nào có biên bản chia lợi nhuận chính thức từ Công ty liên doanh (khoảng tháng 4 năm 2019 mới có biên bản chia lãi cho năm trước) mới ghi nhận phần còn lại vào năm kế tiếp. Tuy nhiên kiểm toán đã điều chỉnh lợi nhuận của năm nào thì ghi cho năm đó, vì vậy đã trừ khỏi kết quả kinh doanh năm 2018 khoản lợi nhuận Công ty đã ghi bổ sung cho năm 2017.
- Nộp ngân sách đạt 94,00% kế hoạch và bằng 72,41% so cùng kỳ.
- Tỷ suất cổ tức / vốn điều lệ = 22,43% đạt 106,91% kế hoạch và bằng 68,17% so cùng kỳ.
- Tình hình tài chính Công ty luôn lành mạnh, đảm bảo thanh toán nợ người bán, nợ Tổng Công ty và cổ tức cho cổ đông.

Về Công ty TNHH Liên doanh Antraco:

- Doanh thu đạt 132,49% so kế hoạch và bằng 111,94% so cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 116,46% kế hoạch và bằng 102,24% so cùng kỳ.
- Công ty hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, đảm bảo đời sống người lao động.
- Tình hình tài chính Công ty thừa đảm bảo thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ của nhà cung cấp.

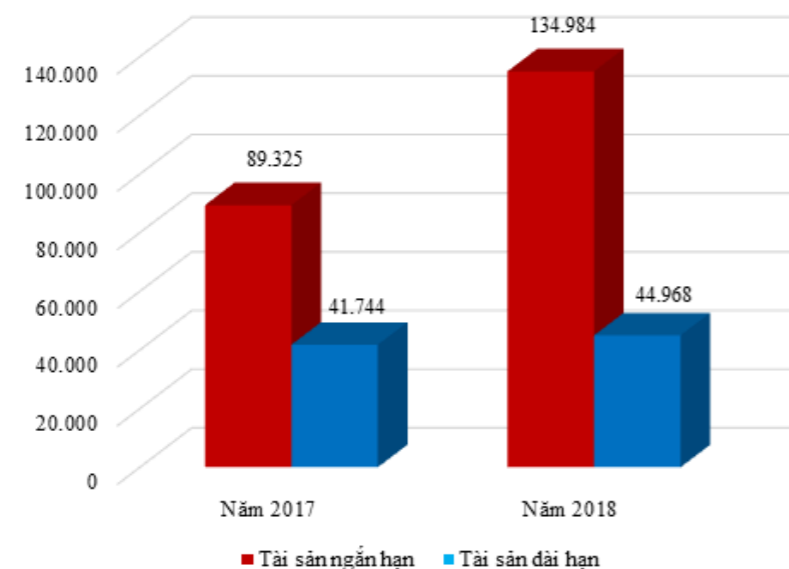


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	89.325	134.984	51,12%	68,15%	75,01%
Tài sản dài hạn	41.744	44.968	7,72%	31,85%	24,99%
Tổng tài sản	131.069	179.952	37,30%	100,00%	100,00%



Tổng tài sản trong năm 2018 tăng 37,3% so với năm 2017. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 75,01% và tài sản dài hạn chiếm 24,99%.

Tài sản ngắn hạn tăng 51,12% so với năm 2017. Hai khoản mục có tỷ trọng lớn trong tổng tài sản ngắn hạn bao gồm hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn đều tăng mạnh. Cụ thể, hàng tồn kho tăng 29,93% và các khoản phải thu tăng 56,19% trong đó khoản phải thu khách hàng tăng 90,92%. Nguồn thu chủ yếu từ các khách hàng mới trong năm 2018 như Công ty CP Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Thủy lợi, Công ty CP Xây dựng Đê kè và Phát triển nông thôn Hải Dương với khoản thu hơn 35 tỷ đồng.



Tài sản dài hạn cũng tăng tương đối 7,72% so với năm 2017. Trong đó, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất tăng 2,23%, trong khi đó đầu tư tài chính giảm 29,22%. Trong năm 2018, tài sản dở dang và tài sản dài hạn khác tăng đột biến lần lượt là 408,61% và 550,09% đóng góp vào mức tăng chung cho tài sản dài hạn. Cụ thể, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng từ 817 triệu đồng lên hơn 4 tỷ đồng, do trong năm Công ty có hợp tác cùng Công ty TNHH Toyota Cần Thơ để xây dựng cửa hàng trưng bày, giới thiệu các loại xe ô tô, cung cấp dịch vụ bảo hành... Công ty đã góp bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với giá trị 2,5 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn có đầu tư một số công trình khác tăng từ 297 triệu đồng lên hơn 1,2 tỷ đồng. Tài sản dài hạn khác tăng từ 771 triệu đồng lên 5 tỷ đồng nguyên nhân chính do sự gia tăng từ chi phí trả trước trong dài hạn từ 747 triệu đồng lên hơn 4 tỷ đồng. Đây là khoản chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất để thực hiện xây dựng cửa hàng trưng bày hợp tác cùng Toyota Cần Thơ.

Chi tiết tài sản cố định được trình bày trong bảng sau:

ĐVT: Đồng

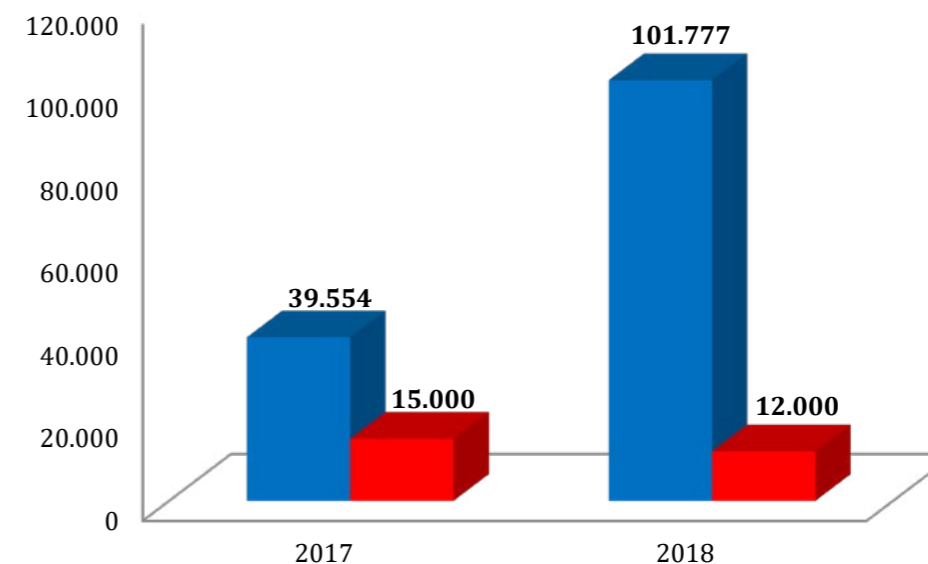
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	15.698.551.936	7.561.370.154	48,17%
Máy móc thiết bị	25.568.655.890	14.336.739.392	56,07%
Phương tiện vận tải	6.740.531.030	2.058.397.829	30,54%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	193.676.364	23.044.775	11,90%
Cộng	48.201.415.220	23.979.552.150	49,75%

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	39.554	101.777	157,31%	72,50%	89,45%
Nợ dài hạn	15.000	12.000	-20,00%	27,50%	10,55%
Tổng nợ phải trả	54.554	113.777	108,56%	100,00%	100,00%

■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



Nợ ngắn hạn có sự gia tăng mạnh về giá trị, tăng 62 tỷ đồng tương ứng tăng 157,31% so với cùng kỳ năm 2017. Trong khi đó, nợ dài hạn giảm 20% so với năm 2017. Với đặc điểm ngành, nghề kinh doanh của Công ty là lắp ráp, chế tạo các máy móc nông nghiệp, xây lắp cầu đường nên nhu cầu vốn lưu động rất cao. Công ty lựa chọn nguồn vốn vay ngắn hạn để tài trợ cho các hoạt động này để đảm bảo sử dụng chi phí sử dụng vốn vay thấp, với dòng tiền thu hồi về nhanh trong kỳ có thể đảm bảo thanh toán và tái tục vay nhằm cung cấp thường xuyên vốn lưu động cho Công ty. Nợ dài hạn trong năm giảm hơn 20% là do không còn khoản vay từ Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Thị trường kinh doanh



Công ty giới thiệu các sản phẩm trên trang Web, facebook, zalo, youtube tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước (Hội nghị ở Myanmar, Hội chợ cần Thơ, Tỉnh Biên), quảng cáo trên báo Trung Tâm Khuyến Nông tỉnh An Giang, sử dụng tờ rơi để tiếp cận người tiêu dùng, nhằm giới thiệu chính sách bán hàng, chất lượng và công dụng các sản phẩm của Công ty.



Sử dụng kênh phân phối các sản phẩm của Công ty đến người tiêu dùng thông qua các Trung tâm Khuyến nông, khách hàng thân thiết, đại lý. Công ty tiếp tục chính sách giá theo thị trường nhằm củng cố thị trường và mở rộng.



Thường xuyên phối hợp với các đại lý công ty, các Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Xúc tiến Thương mại, các kênh công nghệ thông



Tiếp tục làm tốt công tác quan hệ với các địa phương đối với sản phẩm cầu thép.



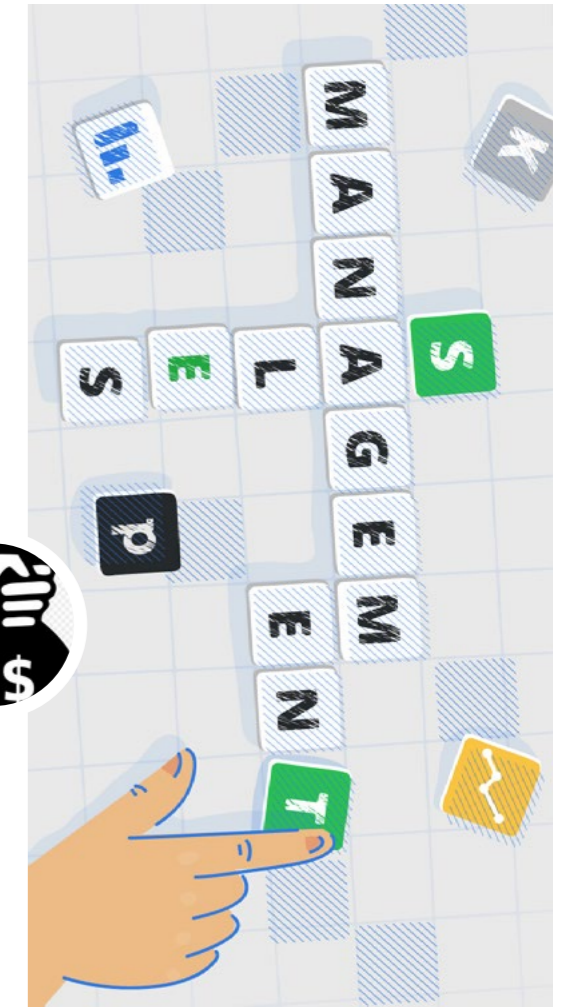
Công tác tổ chức

Công tác quản lý và điều hành các hoạt động toàn Công ty luôn được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành đặt thành nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, vì vậy luôn được quan tâm.

Tuy nhiên, năm 2018 người lao động xin nghỉ việc lên đến 12 người, trong đó có 11 người là công nhân trực tiếp sản xuất.

Lý do: Chính sách BHXH thay đổi có ảnh hưởng đến quyền lợi vì vậy người lao động xin nghỉ để được hưởng trợ cấp của Công ty. Ngoài ra một số xin nghỉ vì hoàn cảnh gia đình đơn chiếc và gặp nhiều khó khăn.

Trong năm, Công ty có tuyển dụng công nhân mới, nhưng do có thay đổi nhân sự quá nhiều, công nhân mới thì chưa quen việc và chưa có kinh nghiệm trong công tác. Từ đó làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của công ty.



Nghiên cứu phát triển



Về công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới tiếp tục được Công ty quan tâm thực hiện, tập trung vào các sản phẩm mới phục vụ cho thu hoạch, sau thu hoạch, các máy phục vụ sản xuất và cầu thép phục vụ giao thông nông thôn. Năm 2018, Công ty đã triển khai thực hiện nghiên cứu, thiết kế và đưa vào sản xuất kinh doanh 09 sản phẩm mới như: Máy gặt lúa xếp dây GX120YB; máy phân loại lúa giống năng suất 1,5 tấn/giờ; cầu thép NT5.2CV-1/1 nhịp 24m, tải 0,65HL93; NT5.2CV-2/1 nhịp 30m, tải 0,65HL93; NT6.2SC nhịp 21m, tải 0,65HL93; NT6.2LK-2/1 nhịp 30m, tải 0,65HL93; NT5.2CM-1/1, nhịp 21m, tải 0,5HL93; NT3.6MV nhịp 36m, tải 5 tấn; NT4.2MK nhịp 21m, tải 13 tấn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Nhận định năm 2019 tiếp tục tồn tại và phát sinh thêm nhiều khó khăn hơn năm 2018; các vấn đề về biến động tỷ giá tiền tệ, giá cả, lạm phát sẽ có thể ở mức cao hơn năm 2018. Cùng chung nhận định đó, Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam cũng khuyến cáo các Công ty thành viên trong việc xây dựng kế hoạch năm 2018 như:

- Đảm bảo sản xuất ổn định và có tăng trưởng nhẹ.
- Đảm bảo đời sống của người lao động.
- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ về Thuế đối với Nhà nước.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ	32.864.040.000
2	Lợi nhuận sau thuế	10.255.798.709
3	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	12.693.098.285
4	Lợi nhuận được phân phối (2+3)	22.948.896.994
5	Phân phối lợi nhuận	12.906.303.949
a	Trích lập quỹ	6.333.495.949
	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	2.585.783.978
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (5%)	861.927.993
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (15%)	2.585.783.978
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	300.000.000
b	Chia cổ tức	6.572.808.000
6	Lợi nhuận còn lại (4 - 5)	10.042.593.045

Một số giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.
- Lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của pháp luật.
- Điều hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	% KH 2019/ TH2018
I Cty cổ phần Cơ Khí An Giang					
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	192.538	176.684	91,77
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.519	11.155	117,19
3	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	%	22,43	20,23	91,19
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	5.179	5.681	109,69
5	Lao động bình quân	Người	243	254	104,53
6	Tiền lương bình quân người lao động	Triệu đồng	8,114	8,820	108,70
7	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	23.661	26.879	113,60
8	Đầu tư	Triệu đồng	5.846	5.450	83,23
II CTY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO					
1	Doanh thu	Triệu đồng	397.468	370.415	93,19
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48.915	51.000	104,26
3	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/DT	%	12,31	13,77	111,86
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	77.155	61.971	80,32
5	Tiền lương b/q người LĐ	Ngđ/ng/thg	12,920	12,920	100,00

- Về kế hoạch đầu tư năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tự động hoá, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện lao động, tăng năng lực sản xuất và thân thiện với môi trường, đầu tư xây dựng nâng cấp nhà xưởng và các trang bị nhỏ lẻ phục vụ cho sản xuất thường xuyên của đơn vị cụ thể như:

- Tại VPCT: sẽ đầu tư máy tiện CNC, thiết bị bốc xếp hàng hoá tại xưởng đóng sà lan và máy móc thiết bị nhỏ lẻ.
- Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên: Xây dựng văn phòng làm việc, nhà xưởng và trang bị nhỏ lẻ phục vụ cho sản xuất.
- Tại Công ty TNHH MTV Cầu đường CKAG: Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ công tác xây lắp.

- BGĐ điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Chú trọng đến việc thu hồi công nợ và cho nợ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công tác Thi đua khen thưởng:



Trong năm, Công ty đã tổ chức trao thưởng năm 2018 cho các cá nhân, tập thể như sau:

- 05 tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- 03 tập thể lao động tiên tiến;
- 29 cá nhân Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở;
- 74 cá nhân Lao động Tiên tiến.

Nhiều năm liền, Công ty được người tiêu dùng bình chọn đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”.

Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng Bằng khen “Doanh nghiệp phát triển bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long”.

Sáng kiến, cải tiến liên tục, thực hiện 5S và ISO:

Năm 2018, Công ty phát động phong trào đề xuất sáng kiến, cải tiến liên tục, kết quả có 349 sáng kiến cá nhân và 80 sáng kiến nhóm, trong đó có 03 cá nhân có nhiều sáng kiến được đề nghị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP tặng Hỗ trợ kinh phí xây dựng cổng chào xuân 2019 và cổng chào huyện Tri Tôn giá trị 420.000.000 đồng.

- Ủng hộ đất, bụi đá xây dựng đường, trường... giá trị 1.243.870.000 đồng;
- Các kinh phí khác giá trị 135.300.000 đồng.

Ngoài ra còn hỗ trợ quỹ học bổng Antraco, xây dựng nhà Đại đoàn kết, tài trợ cho giáo dục với số tiền 914.000.000 đồng.



Tình hình thực hiện An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ

- Trong năm 2018, Công ty thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không để xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, định kỳ theo kế hoạch đều có thực hiện công tác kiểm tra an toàn ở các bộ phận sản xuất, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định; Tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Công ty.
- Thực hiện kế hoạch về việc tăng cường công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trước và trong dịp tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, Công ty đã tổ chức trực tết đảm bảo tốt an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ; triển khai kế hoạch công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ năm 2018.





- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

BÁO CÁO CỦA HĐQT



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2018 thực hiện

Năm 2018, trong bối cảnh kinh tế Thế giới đang trên đà phục hồi, với nhiều màu sắc và tốc độ khác nhau thì nền kinh tế Việt Nam vẫn được xem là một nền kinh tế nằm trong số ít quốc gia có tốc độ phục hồi ấn tượng với tốc độ tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, bên cạnh thành công, kinh tế đất nước cũng bộc lộ rõ những mặt hạn chế và mất cân đối mới khi nền kinh tế đang cơ cấu lại.



Chính vì vậy, ngay từ khi triển khai kế hoạch kinh doanh cho CKA, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng các chính sách phù hợp, cũng như tiến hành hàng loạt cải tiến về hệ thống, về nguồn lực nhằm bút phá mạnh mẽ và xuất sắc đạt doanh thu vượt kế hoạch. Cụ thể:

- Doanh thu đạt 192 tỷ đồng, tăng 48,03% so với năm 2017.
- Lợi nhuận gộp đạt 23 tỷ đồng, tăng 3,5% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 10 tỷ đồng, giảm 28,77% so với năm 2017, nguyên nhân do các khoản chi phí đều tăng tương đối so với năm 2017.

HĐQT luôn bám sát Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và diễn biến tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, để chỉ đạo BGD trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXXD) 2018 cho thấy các chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch, có chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch. Tuy vậy, chúng ta cũng cần phải đánh giá đúng mức sự nỗ lực, đồng thời ghi nhận kết quả đó của HĐQT, BGD điều hành và người lao động trong toàn Công ty.

Năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ và đột xuất đúng theo quy định, tại các kỳ họp này, những vấn đề quan trọng cần phải giải quyết đều được đưa ra thảo luận cho đến khi các thành viên thống nhất, đưa vào Nghị quyết để làm cơ sở cho BGD triển khai thực hiện.



Trong năm, HĐQT đã thực hiện những công việc chủ yếu sau đây:

- Chuẩn bị chương trình, nội dung cho kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Tư vấn và giám sát hoạt động của BGD điều hành trong việc thực thi NQ của ĐHĐCĐ, NQ của HĐQT và kế hoạch SXXD của mỗi quý và cả năm.
- Các thành viên HĐQT làm việc nghiêm túc và có trách nhiệm trong phân tích tình hình Tài chính, đánh giá các kết quả hoạt động của Công ty, cảnh báo sự biến động của thị trường, ... Qua đó đề xuất giải pháp xử lý, đưa ra các kiến nghị thiết thực cho công tác quản trị và điều hành Công ty.
- Ký duyệt các Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Xem xét và cho ý kiến đối với việc thông qua kết quả SXXD, trích lập quỹ, phân phối Cổ tức năm 2018 và cho ý kiến đối với Kế hoạch SXXD năm 2019.
- Thực hiện xong việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Sàn UPCOM).
- Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin với các Thành viên HĐQT, BGD điều hành và BKS, qua đó thống nhất phương hướng và cách thức thực hiện nhiệm vụ nhanh nhất, hiệu quả nhất.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

BGD điều hành cùng với các cán bộ chủ chốt và người lao động toàn Công ty đã tích cực triển khai thực hiện NQ của ĐHĐCĐ, NQ của HĐQT, kế hoạch SXKD của năm 2018 và những vấn đề về quản trị phát triển Công ty.

- Những công việc làm được:

Triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD, kế hoạch lao động tiền lương và các kế hoạch khác đạt kết quả tương đối tốt trong tình hình sản xuất kinh doanh diễn biến khó lường.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản đã được Kiểm toán

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % so với Kế hoạch	Cùng kỳ
I Cty cổ phần Cơ Khí An Giang						
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	172.976	192.538	111,31	148,04
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.464	9.519	83,03	44,65
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.071	10.256	92,64	48,64
4	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	%	20,98	22,43	10691	68,17
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	5.509	5.179	94,00	72,41
6	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	26.560	23.661	89 09	113,62
7	Lao động bình quân	Người	265	243	91,70	97,60
8	Tiền lương bình quân người lao động	Triệu đồng	8,350	8,114	97,17	116,41
II CTY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO						
1	Doanh thu	Triệu đồng	295.000	397.468	134,73	111,94
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	42.000	48.915	116,46	102,24
3	Tỷ suất LNTT/DT	%	14,24	12,31	86,45	91,39
4	Lợi nhuận phân phối	Triệu đồng		29.393		
	- Công ty CP Cơ khí An Giang 49%	Triệu đồng		14.403		
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	62.000	77.155	124,44	125,18



- Công việc điều hành hoạt động của Công ty tương đối đồng bộ; sắp xếp bộ máy và phân công người làm công tác quản trị tương đối hợp lý; đầu tư máy móc thiết bị từng bước được cải thiện, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần tiết giảm chi phí và bảo đảm an toàn cho người lao động.
- Năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị để đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tự động, nhằm tăng chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh các sản phẩm của Công ty, cụ thể như: Xây dựng nhà xưởng, mua sắm bổ sung máy khoan, máy nén khí, 04 Robot hàn, 02 máy phay CNC,... Trong đó, Công ty được Sở Công thương An Giang hỗ trợ 200 triệu đồng cho việc đầu tư 01 máy phay CNC.
- Nhìn chung, công tác đầu tư bổ sung các máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, phát huy hiệu quả tốt, đáp ứng được mục tiêu đề ra là từng bước tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tăng chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp như nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động; Tiết kiệm, tiết giảm chi phí để hạ giá bán nhằm tăng tính cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2018, Công ty phát động phong trào đề xuất sáng kiến, cải tiến liên tục, kết quả có 349 sáng kiến cá nhân và 80 sáng kiến nhóm, từ đó đã làm lợi cho Công ty hàng trăm triệu đồng; về thị trường, ngoài việc trực tiếp xuất khẩu sản phẩm sang Vương Quốc Campuchia, Lào, Công ty còn liên kết với các Công ty xuất khẩu máy Nông nghiệp sang nhiều nước trong khu vực như: Philippines, Bangladesh,...
- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm sản phẩm mới. Trong năm đã triển khai nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm và đưa vào thương mại hóa 09 sản phẩm mới, tiêu thụ ở thị trường trong và ngoài nước như: Máy gặt lúa xếp dây GX120YB; Máy phân loại lúa giống năng suất 1,5 tấn/giờ; cầu thép NT5.2CV-1/1 nhịp 24m, tải 0,65HL93; NT5.2CV-2/1 nhịp 30m, tải 0,65HL93; NT6.2SC nhịp 21m, tải 0,65HL93; NT6.2LK-2/1 nhịp 30m, tải 0,65HL93; NT5.2CM-1/1, nhịp H 21m, tải 0,5HL93; NT3.6MV nhịp 36m, tải 5 tấn; NT4.2MK nhịp 21m, tải 13 tấn.
- Ngoài ra, Công ty đã thực hiện hoàn thành, nghiệm thu với Sở Khoa học và Công nghệ An Giang dự án sản xuất thử nghiệm 10 Máy cắt mè với tổng kinh phí 1,1 tỷ đồng, trong đó Sở Khoa học và Công nghệ An Giang hỗ trợ 210 triệu đồng. Công ty đang triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm Máy gặt bó” với tổng kinh phí 1,255 tỉ đồng do Tổng Cty VEAM hỗ trợ.
- BGD điều hành đã chỉ đạo lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của luật pháp.
- Công ty đang duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công tác 5S trong toàn Công ty, đồng thời đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2010 và áp dụng phương pháp quản lý tinh gọn (LEAN).



Những công việc còn tồn đọng

Công tác quyết toán cổ phần hóa Công ty vẫn chưa thực hiện xong. Việc xác định lại giá trị doanh nghiệp lần 2 giữa Công ty cổ phần Cơ khí An Giang và Bộ Tài chính vẫn còn một vài điểm chưa thống nhất.

Hiện nay, Tổng Công ty VEAM và Công ty cổ phần Cơ khí An Giang vẫn đang chờ văn bản trả lời chính thức của Bộ Công thương và Bộ Tài chính.

Kết luận

Trong năm 2018, HĐQT và BGD điều hành Công ty cổ phần Cơ khí An Giang đã rất cố gắng thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện nộp thuế đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và cố gắng nâng cao đời sống của người lao động. BGD điều hành cũng đã xây dựng được sự đoàn kết nội bộ tốt, làm cho người lao động ý thức được trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ, qua đó đảm bảo đời sống của bản thân và gia đình, góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế.



- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát

QUẢN TRỊ CÔNG TY



05

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 05/4/2019)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Võ Thanh Tuấn	Chủ tịch	-	-
2	Nguyễn Chí Thành	Thành viên	120.108	3,65
3	Trần Văn Thái	Thành viên	58.275	1,77
4	Lê Thanh Vân	Thành viên	92.615	2,82
5	Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	-	-

Ông Võ Thanh Tuấn + Ông Nguyễn Minh Ngọc đại diện vốn của Veam là 1.558.072 CP, tỷ lệ 47,41%.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Võ Thanh Tuấn	Chủ tịch	4	100,00%
2	Nguyễn Chí Thành	Thành viên	4	100,00%
3	Trần Văn Thái	Thành viên	4	100,00%
4	Lê Thanh Vân	Thành viên	4	100,00%
5	Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	3	75,00%

Trong năm, Hội đồng quản trị đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	42/HĐQT.NQ	30/3/2018	- Thống nhất BCTC 2017 - Thông qua KH SXKD 2018 - Thông qua việc chi trả cổ tức 2017 là 25% - Thông qua công tác đầu tư và nghiên cứu sản phẩm mới
2		06/4/2018	Giao Giám đốc Cty ký các hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Công thương AG.
3	39/HĐQT.NQ	25/9/2018	Thống nhất ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu của cổ phiếu CKA.
4	47/HĐQT.NQ	09/10/2018	- Thông qua BC HDSXKD 9 tháng 2018 - Thông qua công tác đầu tư và nghiên cứu sản phẩm mới - Thông qua việc cổ phiếu Cty lên sàn Upcom

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Quách Kim Long	Trưởng ban	18.354	0,56
2	Nguyễn Thanh Vi	Thành viên	9.034	0,27
3	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên	-	-

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT):

Trong năm 2018, Ban kiểm soát (BKS) cùng tham dự họp thảo luận với HĐQT và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các công việc chủ yếu như sau:

- Thông qua ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các Công ty lớn.
- Thông qua phương án nâng hạn mức tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương - CN An Giang từ 35 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng.
- Thông qua công tác đầu tư máy móc thiết bị và nghiên cứu sản phẩm mới.
- Thông qua việc cổ phiếu Công ty lên sàn UpCom.
- Thông qua dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tập trung đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau đây:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm năng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc trong năm 2018, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định Luật hiện hành.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty; giám sát việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán đưa ra.
- Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động độc lập, trung thực và cẩn trọng trong phạm vi công việc được phân công. Các thành viên tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát hàng kỳ.

Công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã triển khai điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện các công việc chủ yếu như sau:

- Chú trọng công tác phát triển thị trường đặc biệt là thị trường xuất khẩu máy gặt xếp dây và hệ thống nhập liệu nông sản đầu vào. Công ty luôn chú trọng tạo môi quan hệ tốt đẹp với các địa phương và giới thiệu sản phẩm cầu thép, năm 2018 doanh thu bán cầu thép chiếm 65% tổng doanh thu Công ty, sử dụng hiệu quả các kênh mạng truyền thông, liên kết Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, tham gia các Hội chợ....
- Về hoạt động đầu tư và nghiên cứu sản phẩm mới: Công ty đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng suất lao động cụ thể như 4 Robot hàn EA 1400, 01 máy Phay CNC VF-2-SE... và đã nghiên cứu sản xuất thêm 9 sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng.
- Ngày 29/01/2018, Công ty trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 724/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn UpCom với mã chứng khoán là CKA và chọn ngày giao dịch đầu tiên là ngày 17/10/2018. Đây là dấu mốc mới giúp cho Công ty có thể tiếp cận với các kênh huy động vốn dài hạn và cũng là động lực thúc đẩy Công ty hoạt động kinh doanh tốt hơn.
- Trong năm 2018, Ban kiểm soát nhận thấy không có bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động điều hành và sản xuất kinh doanh. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Luật hiện hành.
- Về Báo cáo tài chính năm 2018:
 - + Công ty lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
 - + Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, Ban kiểm soát thống nhất số liệu tài chính năm 2018 được đưa ra trong báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện tính trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Nhận xét: Trong năm 2018, Công ty CP Cơ khí An Giang chính thức là Công ty đại chúng thực hiện các giao dịch trên sàn UpCom nên Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn đã kiểm toán số liệu theo đúng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến chỉ tiêu tài chính năm 2018 thấp hơn so với năm 2017, tuy nhiên các chỉ tiêu tài chính về năng lực tài sản, cơ cấu nợ/vốn, khả năng thanh toán và sinh lời của Công ty trong năm 2018 vẫn ổn định và phát triển, vốn đầu tư được sinh lời.



Kiến nghị và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019

Kiến nghị

- Đề nghị Công ty nghiên cứu và phát triển tốt hơn nữa chính sách mở rộng thị trường trong và ngoài nước, đồng thời thúc đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu sản phẩm mới, từ đó Công ty mới nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài của Công ty.
- Do chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc doanh nghiệp tham gia cho người lao động ngày càng cao, vì vậy đề nghị Công ty có giải pháp tích cực để thực hiện cơ cấu lại bộ máy lao động từ các phòng ban Công ty đến các phân xưởng sản xuất nhằm làm giảm chi phí hoạt động và chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả kinh doanh

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2019 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT Công ty;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;
- Xem xét các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.
- Đề xuất với HĐQT về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Họ tên	Chức vụ	Thu nhập
Võ Thanh Tuấn	Chủ tịch	93.000.000
Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT- Giám đốc	801.658.673
Trần Văn Thái	Thành viên HĐQT - PGĐ	487.004.652
Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT - PGĐ	486.838.415
Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	59.000.000
Quách Kim Long	Trưởng Ban kiểm soát	61.000.000
Nguyễn Thanh Vi	Thành viên Ban kiểm soát	95.526.816
Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	21.000.000
Phan Thị Tuyết Vân	Thư ký - Q.TP TCKT	289.617.707

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thanh Vi	TV. BKS	10.034	0,31%	9.034	0,27%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



CONNECTION
ANALYSIS
DATA
SEARCHING
VERIFICATION
CODING
SENDING

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



06

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 2 tháng 4 năm 2019, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VI.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính thể hiện rằng doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm số lợi nhuận dự tính được chia từ Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty TNHH Liên doanh Antraco với số tiền là 14.403.033.498 đồng. Chênh lệch giữa số liệu dự tính và lợi nhuận được chia chính thức sẽ được điều chỉnh trong Báo cáo tài chính riêng năm tiếp theo.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng này tại ngày 20 tháng 3 năm 2018.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2019

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2019-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.984.022.960	89.325.094.872
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.400.573.499	4.147.847.042
1. Tiền	111	V.1	8.400.573.499	4.147.847.042
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.649.871.067	61.240.025.800
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	67.723.876.625	35.471.525.758
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.359.327.925	2.272.624.899
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	28.562.725.952	24.662.855.979
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.996.059.435)	(1.166.980.836)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	30.717.295.897	23.641.258.531
1. Hàng tồn kho	141		31.681.370.468	24.124.973.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(964.074.571)	(483.715.177)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		216.282.497	295.963.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	216.282.497	185.557.615
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	-	110.405.884
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.967.948.253	41.744.056.104
I. Tài sản cố định	220		23.979.552.150	23.458.628.195
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	23.979.552.150	23.458.628.195
- Nguyên giá	222		48.201.415.220	46.862.085.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.221.863.070)	(23.403.457.086)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	66.333.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(66.333.790)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.156.913.372	817.313.850
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.156.913.372	817.313.850
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.817.812.175	16.696.888.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	11.817.812.175	16.696.888.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.013.670.556	771.226.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.038.538.967	747.836.262
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	975.131.589	23.389.797
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		179.951.971.213	131.069.150.976

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.291.336.780	54.554.302.638
I. Nợ ngắn hạn	310		101.777.415.380	39.554.302.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	9.659.050.597	7.172.822.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	10.966.616.331	1.381.439.878
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	2.016.882.229	1.907.911.154
4. Phải trả người lao động	314		645.869.782	806.771.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	12.888.105.389	7.062.763.449
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	210.577.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	8.359.218.608	8.197.135.153
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	53.442.138.737	9.199.697.742
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	213.778.984
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.799.533.707	3.401.405.364
II. Nợ dài hạn	330		2.513.921.400	15.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	2.513.921.400	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	15.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.660.634.433	76.514.848.338
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	75.646.895.530	76.492.890.800
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.653.223.581	11.067.439.602
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	2.556.304.130
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.711.399.826	30.005.107.068
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.789.097.068	176.959.300
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.922.302.758	29.828.147.768
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.738.903	21.957.538
2. Nguồn kinh phí	431		13.738.903	21.957.538
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		179.951.971.213	131.069.150.976

Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểu

Phan Thị Tuyết Vân
Phụ trách kế toán

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	192.552.548.238	130.076.805.711
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	14.194.400	21.600.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	192.538.353.838	130.055.205.711
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	169.170.121.382	107.477.781.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.368.232.456	22.577.424.441
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.680.628.818	21.232.615.882
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.459.410.004	1.363.999.802
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.453.944.938	1.352.231.718
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(4.879.075.825)	(6.689.821.398)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.134.814.471	3.984.773.068
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.350.279.569	19.023.711.288
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		9.225.281.405	12.747.734.767
12. Thu nhập khác	31	VI.7	305.112.276	2.915.941.586
13. Chi phí khác	32	VI.8	11.797.973	1.033.570.613
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		293.314.303	1.882.370.973
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.518.595.708	14.630.105.740
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	214.538.791	195.476.211
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(951.741.792)	36.977.802
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.255.798.709	14.397.651.727
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		10.255.798.709	14.397.651.727
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.243	3.290

Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểu

Phan Thị Tuyết Vân
Phụ trách kế toán

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2018	2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.518.595.708	14.630.105.740
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.764.848.808	2.658.221.303
Các khoản dự phòng	03	1.095.659.009	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.900.089)	(1.076.127)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.744.750.802)	(15.323.862.069)
Chi phí lãi vay	06	2.453.944.938	1.352.231.718
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.082.397.572	3.315.620.565
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(30.656.976.811)	20.892.245.406
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(7.556.396.760)	2.259.896.249
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.271.658.058	(22.347.498.166)
Tăng chi phí trả trước	12	(773.145.846)	(38.273.688)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.455.674.672)	(1.347.655.612)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(174.223.327)	(912.213.628)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	398.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.495.874.271)	(3.014.563.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.758.236.057)	(794.442.265)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.185.179.876)	(3.102.016.846)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27.565.059	1.805.295.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.136.246.247	1.098.438.789
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.978.631.430	(198.283.057)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2018	2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	118.464.544.022	68.525.984.406
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.222.103.027)	(63.443.649.681)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.216.010.000)	(6.487.678.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.026.430.995	(1.405.343.275)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.246.826.368	(2.398.068.597)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.147.847.042	6.544.839.512
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.900.089	1.076.127
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.400.573.499	4.147.847.042

Tram



Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểu

Phan Thị Tuyết Vân
Phụ trách kế toán

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần thay đổi.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 VND, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
1. Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	49%	50%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 do đó thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các Khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài Khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	338.167.868	571.848.865
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.062.405.631	3.575.998.177
Cộng	8.400.573.499	4.147.847.042
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	72.238.000	
Khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Thủy Lợi	20.062.317.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đê kè và Phát triển Nông thôn Hải Dương	15.727.163.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Phan Vinh	2.952.000.000	6.293.778.200
Các khách hàng khác	28.910.158.625	29.177.747.558
Cộng	67.723.876.625	35.471.525.758
3. Trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người bán là bên liên quan		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	553.836.024	535.012.894
Người bán khác		
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	130.000.000	130.000.000
Các nhà cung cấp khác	675.491.901	1.607.612.005
Cộng	1.359.327.925	2.272.624.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. Phải thu khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu lợi nhuận từ công ty liên doanh	27.306.939.323	23.068.897.223
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	233.499.071	-
Tạm ứng cho nhân viên	619.397.273	1.182.983.310
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	78.172.008	103.742.057
Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
Các khoản phải thu khác	26.378.341	8.893.453
Cộng	28.562.725.952	24.662.855.979
<i>Trong đó, phải thu khác với bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	22.637.404.896	23.068.897.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.977.993.962	981.934.527	1.764.246.639	597.265.803
		(1.996.059.435)		(1.166.980.836)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	89.654.533	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.367.672.098	-	9.393.870.564	-
Công cụ, dụng cụ	180.494.789	-	189.413.062	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.448.372.864	-	8.523.496.002	-
Thành phẩm	2.817.726.532	(964.074.571)	2.874.511.842	(483.715.177)
Hàng hóa	2.867.104.185	-	3.054.027.705	-
Cộng	31.681.370.468	(964.074.571)	24.124.973.708	(483.715.177)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	216.282.497	185.557.615
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, thuê đất chờ phân bổ (i)	2.752.641.307	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.285.897.660	747.836.262
Cộng	4.038.538.967	747.836.262

(i) Đây là chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất để thực hiện xây dựng cửa hàng trưng bày, giới thiệu các loại xe ô tô và cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế cho các loại xe ô tô.

8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	110.405.884	110.405.884	-	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.733.687.827	2.986.251.370	2.928.040.259	1.791.898.938
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.223.327	214.538.791	174.223.327	214.538.791
Thuế thu nhập cá nhân	-	729.670.504	719.226.004	10.444.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.852.275.530	1.852.275.530	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	1.907.911.154	5.789.736.195	5.680.765.120	2.016.882.229

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1
Phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	19.394.516.932	20.969.578.827	6.085.805.185	412.184.337	46.862.085.281
Mua trong năm	451.138.446	4.739.716.063	654.725.845	-	5.845.580.354
Thanh lý nhượng bán	(4.147.103.442)	(140.639.000)	-	(218.507.973)	(4.506.250.415)
Tại ngày 31/12/2018	15.698.551.936	25.568.655.890	6.740.531.030	193.676.364	48.201.415.220
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	9.209.076.116	9.750.070.621	4.132.724.393	311.585.956	23.403.457.086
Khấu hao trong năm	596.762.913	1.595.302.360	549.408.808	23.374.727	2.764.848.808
Thanh lý nhượng bán	(1.668.657.247)	(113.456.483)	-	(164.329.094)	(1.946.442.824)
Tại ngày 31/12/2018	8.137.181.782	11.231.916.498	4.682.133.201	170.631.589	24.221.863.070
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	10.185.440.816	11.219.508.206	1.953.080.792	100.598.381	23.458.628.195
Tại ngày 31/12/2018	7.561.370.154	14.336.739.392	2.058.397.829	23.044.775	23.979.552.150

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.531.904.433 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 5.212.720.433 VND).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 405.734.904 VND.

Như đã trình bày tại thuyết minh V.17, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 3.224.508.194 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 3.685.376.225 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Lợi thế thương mại VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2018	65.000.000	1.333.790	66.333.790
Giảm trong năm	-	(1.333.790)	(1.333.790)
Tại ngày 31/12/2018	65.000.000	-	65.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2018	65.000.000	1.333.790	66.333.790
Giảm trong năm	-	(1.333.790)	(1.333.790)
Tại ngày 31/12/2018	65.000.000	-	65.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Dự án xây dựng trạm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô (i)	2.512.217.127	-
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	520.600.000
Công trình khác	1.124.096.245	296.713.850
Cộng	4.156.913.372	817.313.850

(i) Đây là Dự án được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (Toyota Cần Thơ) để xây dựng cửa hàng trưng bày, giới thiệu các loại xe ô tô, cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế cho các loại xe ô tô. Công ty góp bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với giá trị 2.500.000.000 đồng. Toyota Cần Thơ góp vốn bằng tiền mặt với giá trị 45.000.000.000 đồng để chi trả các chi phí xây dựng. Công ty chịu trách nhiệm kế toán cho hoạt động hợp tác kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2018	01/01/2018
Giá gốc VND	7.956.213.357	(i) 7.956.213.357
Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	3.861.598.818	8.740.674.643
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	11.817.812.175	16.696.888.000

Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Các khoản dự phòng VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	60.367.599	-	60.367.599
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	36.977.802	-	36.977.802
Tại ngày 01/01/2018	23.389.797	-	23.389.797
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(497.152.190)	(454.589.602)	(951.741.792)
Tại ngày 31/12/2018	520.541.987	454.589.602	975.131.589
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(951.741.792)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	221.755.050	221.755.050	162.055.960	162.055.960
Người bán khác				
Công ty TNHH ĐT TM DV SX Thiên Lộc Phát	2.173.279.283	2.173.279.283	177.805.526	177.805.526
Công ty TNHH VinaSteel	1.870.412.500	1.870.412.500	1.870.412.500	1.870.412.500
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang	-	-	824.897.759	824.897.759
Các nhà cung cấp khác	5.393.603.764	5.393.603.764	4.137.651.168	4.137.651.168
Cộng	9.659.050.597	9.659.050.597	7.172.822.913	7.172.822.913

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	7.476.782.000	-
Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	2.451.962.364	-
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Kiên Lương	-	600.000.000
Các khách hàng khác	1.037.871.967	781.439.878
Cộng	10.966.616.331	1.381.439.878

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	11.654.656.041	5.690.844.923
Chi phí lãi vay	1.105.424.348	1.107.154.082
Chi phí phải trả khác	128.025.000	264.764.444
Cộng	12.888.105.389	7.062.763.449

Trong đó, chi phí phải trả với các bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.100.000.000	1.100.000.000
--	---------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hoá	7.634.811.183	7.634.811.183
Lãi liên doanh trước cổ phần hóa phải trả về Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	513.830.425	513.830.425
Các khoản khác	210.577.000	48.493.545
Cộng	8.359.218.608	8.197.135.153
a. Dài hạn		
Nhận vốn hợp tác kinh doanh (i)	2.513.921.400	-

Trong đó, phải trả khác với các bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	406.081.488	406.081.488
--	-------------	-------------

(i) Đây là khoản góp vốn của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	38.688.268.605	38.688.268.605	110.279.802.716	75.245.492.153	3.653.958.042	3.653.958.042
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Xuyên	2.753.870.132	2.753.870.132	8.184.741.306	10.976.610.874	5.545.739.700	5.545.739.700
Cộng	41.442.138.737	41.442.138.737	118.464.544.022	86.222.103.027	9.199.697.742	9.199.697.742
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	12.000.000.000	12.000.000.000			-	-
Cộng	53.442.138.737	53.442.138.737			9.199.697.742	9.199.697.742

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	12.000.000.000	12.000.000.000	-	3.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	-	3.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)			-	-
Tổng cộng	-	-			15.000.000.000	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. Vay và nợ thuế tài chính

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	36.013.115.890	6 tháng	15/05/2019	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ là 6,5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	2.675.152.715	4 tháng	10/11/2019	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ là 6,5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Hàng hóa, tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 28 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Xuyên	2.753.870.132	6 tháng	24/04/2019	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ là 7%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Thế chấp quyền đòi nợ từ các hợp đồng thi công xây dựng đã ký kết có giá trị thế chấp còn lại tại ngày 31/12/2018 là 4.431.346.750 đồng
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	12.000.000.000	1 năm	Đã đến hạn thanh toán	5,00%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	32.864.040.000	7.731.712.625	1.461.547.117	13.121.320.330	55.178.620.072
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.397.651.727	14.397.651.727
Điều chỉnh hồi tố (ii)	-	-	-	15.430.496.041	15.430.496.041
Chia cổ tức	-	-	-	(4.929.606.000)	(4.929.606.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.335.726.977	1.094.757.013	(4.430.483.990)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.584.271.040)	(3.584.271.040)
Tại ngày 01/01/2018	32.864.040.000	11.067.439.602	2.556.304.130	30.005.107.068	76.492.890.800
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.255.798.709	10.255.798.709
Chia cổ tức	-	-	-	(8.216.010.000)	(8.216.010.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (i)	-	2.585.783.979	861.927.993	(3.447.711.972)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(2.885.783.979)	(2.885.783.979)
Tại ngày 31/12/2018	32.864.040.000	13.653.223.581	3.418.232.123	25.711.399.826	75.646.895.530

(i) Trong năm, Công ty đã tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Công ty và các Công ty con. Số liệu cuối cùng về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

(ii) Xem thêm tại thuyết minh VII.4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ	Giá trị VND	Tỷ lệ	Giá trị VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTEP	47,41%	15.580.720.000	47,41%	15.580.720.000
Vốn góp của cổ đông khác	52,59%	17.283.320.000	52,59%	17.283.320.000
Cộng	100,00%	32.864.040.000	100,00%	32.864.040.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu				

d. Cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện việc chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2018 với tỷ lệ 25% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 8.216.010.000 đồng. Cổ tức của năm 2018 sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu xây dựng các loại cầu	124.852.940.995	58.917.985.298
Doanh thu bán thành phẩm	47.954.480.946	42.896.954.536
Doanh thu bán hàng hóa	19.064.234.116	27.741.153.877
Doanh thu cung cấp dịch vụ	680.892.181	520.712.000
Cộng	192.552.548.238	130.076.805.711
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	14.194.400	-
Giảm giá hàng bán	-	21.600.000
Cộng	14.194.400	21.600.000
Doanh thu thuần	192.538.353.838	130.055.205.711

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	118.534.546	-
--	-------------	---

2. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	113.512.301.572	48.675.808.420
Giá vốn bán thành phẩm	37.956.091.463	33.491.826.381
Giá vốn bán hàng hóa	17.701.728.347	25.310.146.469
Cộng	169.170.121.382	107.477.781.270

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận từ liên doanh Antraco (i)	19.282.109.323	21.068.897.223
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	325.678.095	98.438.789
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	32.948.961	22.678.077
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	5.900.089	1.076.127
Doanh thu tài chính khác	33.992.350	41.525.666
Cộng	19.680.628.818	21.232.615.882

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	14.687.094.425	21.068.897.223
---------------------------------	----------------	----------------

(i) Lợi nhuận được chia từ Antraco trong năm gồm:

- Lợi nhuận bổ sung năm 2017; và	4.879.075.825
- Lợi nhuận tạm ước tính của năm 2018	14.403.033.498
Cộng	19.282.109.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	2.453.944.938	1.352.231.718
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.465.066	11.768.084
Cộng	2.459.410.004	1.363.999.802

5. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	3.531.350.640	2.139.390.632
Chi phí nhân viên	544.150.951	497.736.052
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.133.535	57.026.119
Chi phí vật liệu bao bì	17.703.729	18.898.572
Chi phí vận chuyển	702.822.781	716.044.196
Chi phí bảo hành	158.647.997	328.917.155
Chi phí bằng tiền khác	149.004.838	226.760.342
Cộng	5.134.814.471	3.984.773.068

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.586.752.453	11.073.150.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.038.833	249.661.060
Chi phí khấu hao TSCĐ	533.478.365	849.361.194
Thuế, phí và lệ phí	1.655.931.822	2.171.356.485
Chi phí dự phòng	1.832.671.767	222.636.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.194.080.590	1.051.197.988
Chi phí bằng tiền khác	2.392.325.739	3.406.347.838
Cộng	21.350.279.569	19.023.711.288

7. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Thu hồi nợ đã xóa sổ	225.372.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	27.565.059	-
Thu từ bồi thường đất	-	1.805.295.000
Thu nhập khác	52.175.217	1.110.646.586
Cộng	305.112.276	2.915.941.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. Chi phí khác

	2018 VND	2017 VND
Giá trị còn lại của đất bị thu hồi	-	958.947.545
Các khoản chi phí khác	11.797.973	74.623.068
Cộng	11.797.973	1.033.570.613

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.518.595.708	14.630.105.740
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	3.574.455.184	309.775.051
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(19.375.632.081)	(21.068.897.223)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	4.879.075.825	6.689.821.398
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	601.465.103
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	2.600.837.515	(184.889.016)
Thu nhập chịu thuế	1.197.332.151	977.381.053
Chuyển lỗ	(124.638.197)	-
Thu nhập tính thuế	1.072.693.954	977.381.053
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	214.538.791	195.476.211
Chi phí thuế TNDN hiện hành	214.538.791	195.476.211

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	10.255.798.709	14.397.651.727
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(2.885.783.979)	(3.584.271.040)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.370.014.730	10.813.380.687
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.243	3.290

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2017. Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ. Số trích lập của năm 2018 sẽ được Công ty ghi nhận chính thức căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.852.275.530	2.038.195.833

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Sau năm năm	15.840.757.417	18.662.258.608
Cộng	25.794.706.177	28.616.207.368

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Thu lãi liên doanh	15.000.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	2018 VND	2017 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.057.501.740	2.081.676.578

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Antraco được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu. Do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất này do sai sót trong việc áp dụng phương pháp hợp nhất công ty liên doanh. Tổng hợp các khoản mục đã được điều chỉnh như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh lại VND	Số sau điều chỉnh VND
A. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	7.956.213.357	8.740.674.643	16.696.888.000
I. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7.956.213.357	8.740.674.643	16.696.888.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.956.213.357	8.740.674.643	16.696.888.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	122.328.476.333	8.740.674.643	131.069.150.976
NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh lại VND	Số sau điều chỉnh VND
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	67.774.173.695	8.740.674.643	76.514.848.338
I. Vốn chủ sở hữu	410	67.752.216.157	8.740.674.643	76.492.890.800
1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.264.432.425	8.740.674.643	30.005.107.068
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	21.087.473.125	8.740.674.643	29.828.147.768
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	122.328.476.333	8.740.674.643	131.069.150.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. Số liệu so sánh (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh lại VND	Số sau điều chỉnh VND
1. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	(6.689.821.398)	(6.689.821.398)
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	19.437.556.165	(6.689.821.398)	12.747.734.767
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21.319.927.138	(6.689.821.398)	14.630.105.740
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	21.087.473.125	(6.689.821.398)	14.397.651.727
5. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	24	21.087.473.125	(6.689.821.398)	14.397.651.727

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh lại VND	Số sau điều chỉnh VND
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.319.927.138	(6.689.821.398)	14.630.105.740
Lãi/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(22.013.683.467)	6.689.821.398	(15.323.862.069)

Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểu
Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Phan Thị Tuyết Vân
Phụ trách kế toán

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc





An Giang, Ngày 19 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

